BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/2013/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2013

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 9 năm 2013.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH PHÚ THỌ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2013/TT-BTNMT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Phú Thọ được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh tỉnh Phú Thọ được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", TX. là chữ viết tắt của "thị xã", H. là chữ viết tắt của "huyện".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng kí hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH PHÚ THỌ

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Phú Thọ gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Việt Trì	3
2	Thị xã Phú Thọ	10
3	Huyện Cẩm Khê	14
4	Huyện Đoan Hùng	25
5	Huyện Hạ Hòa	36
6	Huyện Lâm Thao	52
7	Huyện Phù Ninh	56
8	Huyện Tam Nông	64
9	Huyện Tân Sơn	70
10	Huyện Thanh Ba	84
11	Huyện Thanh Sơn	96
12	Huyện Thanh Thủy	114
13	Huyện Yên Lập	119

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Bạch Hạc	DC	P. Bạch Hạc	TP. Việt Trì	21° 17' 49"	105° 26' 17"					F-48-67-B-d
khu Đoàn Kết	DC	P. Bạch Hạc	TP. Việt Trì	21° 17' 27"	105° 26' 13"					F-48-67-B-d
khu Lang Đài	DC	P. Bạch Hạc	TP. Việt Trì	21° 17' 18"	105° 26' 37"					F-48-67-B-d
khu Mộ Chu Hạ	DC	P. Bạch Hạc	TP. Việt Trì	21° 16' 44"	105° 26' 35"					F-48-67-B-d
khu Mộ Chu Thượng	DC	P. Bạch Hạc	TP. Việt Trì	21° 17' 24"	105° 26' 21"					F-48-67-B-d
xóm Mới	DC	P. Bạch Hạc	TP. Việt Trì	21° 17' 29"	105° 26' 34"					F-48-67-B-d
khu Phong Châu	DC	P. Bạch Hạc	TP. Việt Trì	21° 17' 58"	105° 26' 37"					F-48-67-B-d
khu Hồng Hà 2	DC	P. Bến Gót	TP. Việt Trì	21° 17' 55"	105° 25' 58"					F-48-67-B-d
khu Việt Hưng	DC	P. Bến Gót	TP. Việt Trì	21° 18' 08"	105° 25' 31"					F-48-67-B-d
cầu Việt Trì	KX	P. Bến Gót	TP. Việt Trì	21° 18' 03"	105° 26' 30"					F-48-67-B-d
cảng Việt Trì	KX	P. Bến Gót	TP. Việt Trì	21° 18' 04"	105° 26' 14"					F-48-67-B-d
ga Việt Trì	KX	P. Bến Gót	TP. Việt Trì	21° 18' 05"	105° 25' 46"					F-48-67-B-d
xóm An Miên	DC	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 14"	105° 24' 46"					F-48-67-B-d
xóm Chu Ba	DC	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 22"	105° 24' 23"					F-48-67-B-d
xóm Đình	DC	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 17"	105° 23' 54"					F-48-67-B-d
khu Dữu Lâu	DC	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 21"	105° 24' 38"					F-48-67-B-d
xóm Hóc Tha	DC	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 35"	105° 23' 17"					F-48-67-B-d
khu Hương Trầm	DC	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 12"	105° 23' 15"					F-48-67-B-d
xóm Miễu	DC	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 19' 53"	105° 23' 49"					F-48-67-B-d
khu Quế Trạo	DC	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 33"	105° 23' 43"					F-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng trẻ SOS	DC	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 19' 48"	105° 23' 26"					F-48-67-B-d
xóm Trại	DC	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 04"	105° 24' 08"					F-48-67-B-d
đồi Trại Gà	SV	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 36"	105° 24' 04"					F-48-67-B-d
sông Lô	TV	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì			21° 21' 04"	105° 23' 59"	21° 20' 16"	105° 25' 27"	F-48-67-B-d
bến phà Đức Bác	KX	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 47"	105° 24' 24"					F-48-67-B-d
đình Dữu Lâu	KX	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 27"	105° 24' 32"					F-48-67-B-d
đường Trần Phú	KX	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì			21° 19' 58"	105° 24' 07"	21° 20' 40"	105° 24' 14"	F-48-67-B-d
Đồi Lăng Cẩm	DC	P. Gia Cẩm	TP. Việt Trì	21° 19' 21"	105° 23' 37"					F-48-67-B-d
xóm Gia Vượng	DC	P. Gia Cẩm	TP. Việt Trì	21° 18' 50"	105° 23' 25"					F-48-67-B-d
đường Hùng Vương	KX	P. Gia Cẩm	TP. Việt Trì			21° 19' 31"	105° 22' 51"	21° 18' 52"	105° 23' 33"	F-48-67-B-d
khu 5	DC	P. Nông Trang	TP. Việt Trì	21° 20' 14"	105° 22' 49"					F-48-67-B-d
khu 1B	DC	P. Nông Trang	TP. Việt Trì	21° 19' 52"	105° 23' 14"					F-48-67-B-d
khu 2B	DC	P. Nông Trang	TP. Việt Trì	21° 19' 44"	105° 22' 50"					F-48-67-B-d
khu 6C	DC	P. Nông Trang	TP. Việt Trì	21° 20' 13"	105° 22' 28"					F-48-67-B-d
xóm Mộ Xi	DC	P. Tân Dân	TP. Việt Trì	21° 19' 24"	105° 24' 09"					F-48-67-B-d
khu 10	DC	P. Thanh Miếu	TP. Việt Trì	21° 18' 46"	105° 25' 68"					F-48-67-B-d
khu 11	DC	P. Thanh Miếu	TP. Việt Trì	21° 18' 20"	105° 25' 33"					F-48-67-B-d
khu 12	DC	P. Thanh Miếu	TP. Việt Trì	21° 18' 30"	105° 25' 35"					F-48-67-B-d
khu 13	DC	P. Thanh Miếu	TP. Việt Trì	21° 18' 48"	105° 25' 34"					F-48-67-B-d
đường Hùng Vương	KX	P. Thọ Sơn	TP. Việt Trì			21° 18' 15"	105° 24' 46"	21° 18' 13"	105° 25' 00"	F-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Đoàn kết	DC	P. Tiên Cát	TP. Việt Trì	21° 18' 36"	105° 23' 38"					F-48-67-B-d
khu Hồng Hà	DC	P. Tiên Cát	TP. Việt Trì	21° 18' 26"	105° 23' 49"					F-48-67-B-d
khu Thọ Mai	DC	P. Tiên Cát	TP. Việt Trì	21° 18' 31"	105° 24' 23"					F-48-67-B-d
khu Tiền Phong	DC	P. Tiên Cát	TP. Việt Trì	21° 18' 42"	105° 24' 08"					F-48-67-B-d
khu Tiên Sơn	DC	P. Tiên Cát	TP. Việt Trì	21° 18' 59"	105° 24' 04"					F-48-67-B-d
đền Tiên	KX	P. Tiên Cát	TP. Việt Trì	21° 18' 28"	105° 23' 39"					F-48-67-B-d
khu 8A	DC	xã Chu Hóa	TP. Việt Trì	21° 21' 16"	105° 19' 33"					F-48-67-B-c
làng Hạ	DC	xã Chu Hóa	TP. Việt Trì	21° 20' 02"	105° 18' 00"					F-48-67-B-c
xóm Ngọc Tinh	DC	xã Chu Hóa	TP. Việt Trì	21° 19' 42"	105° 18' 09"					F-48-67-B-c
làng Thượng	DC	xã Chu Hóa	TP. Việt Trì	21° 20' 52"	105° 17' 55"					F-48-67-B-c
xóm Vàng	DC	xã Chu Hóa	TP. Việt Trì	21° 20' 10"	105° 17' 29"					F-48-67-B-c
xóm Ngà	DC	xã Hùng Lô	TP. Việt Trì	21° 22' 33"	105° 22' 55"					F-48-67-B-b
xóm Rẽ	DC	xã Hùng Lô	TP. Việt Trì	21° 22' 11"	105° 22' 49"					F-48-67-B-d
xóm Tứ Nhị Hồ	DC	xã Hùng Lô	TP. Việt Trì	21° 22' 23"	105° 23' 05"					F-48-67-B-d
xóm Văn Tiến	DC	xã Hùng Lô	TP. Việt Trì	21° 21' 51"	105° 23' 10"					F-48-67-B-d
xóm Xung	DC	xã Hùng Lô	TP. Việt Trì	21° 22' 03"	105° 22' 49"					F-48-67-B-d
khu 1	DC	xã Hy Cương	TP. Việt Trì	21° 21' 46"	105° 18' 23"					F-48-67-B-c
khu Ba Hàng	DC	xã Hy Cương	TP. Việt Trì	21° 21' 51"	105° 19' 54"					F-48-67-B-c
thôn Đại Phú	DC	xã Hy Cương	TP. Việt Trì	21° 22' 03"	105° 18' 39"					F-48-67-B-c
xóm Hợp Trâm	DC	xã Hy Cương	TP. Việt Trì	21° 22' 15"	105° 20' 11"					F-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nhà Pheo	DC	xã Hy Cương	TP. Việt Trì	21° 22' 57"	105° 18' 53"					F-48-67-B-a
xóm Phân Bùng	DC	xã Hy Cương	TP. Việt Trì	21° 21' 44"	105° 18' 59"					F-48-67-B-c
xóm Phân Trà	DC	xã Hy Cương	TP. Việt Trì	21° 22' 17"	105° 19' 40"					F-48-67-B-c
xóm Phú Thị	DC	xã Hy Cương	TP. Việt Trì	21° 21' 34"	105° 18' 40"					F-48-67-B-c
quốc lộ 2	KX	xã Hy Cương	TP. Việt Trì			21° 22' 28"	105° 20' 18"	21° 22' 09"	105° 20' 33"	F-48-67-B-c
đền Hùng	KX	xã Hy Cương	TP. Việt Trì	21° 22' 10"	105° 19' 20"					F-48-67-B-c
đền thờ Mẫu Âu Cơ	KX	xã Hy Cương	TP. Việt Trì	21° 22' 38"	105° 19' 19"					F-48-67-B-a
thôn Bờ Đặng	DC	xã Kim Đức	TP. Việt Trì	21° 22' 29"	105° 21' 42"					F-48-67-B-a
xóm Chung	DC	xã Kim Đức	TP. Việt Trì	21° 22' 34"	105° 22' 00"					F-48-67-B-a
xóm Đầm	DC	xã Kim Đức	TP. Việt Trì	21° 23' 39"	105° 21' 39"					F-48-67-B-a
thôn Duy Nhất	DC	xã Kim Đức	TP. Việt Trì	21° 22' 07"	105° 22' 01"					F-48-67-B-c
xóm Hội	DC	xã Kim Đức	TP. Việt Trì	21° 22' 38"	105° 21' 24"					F-48-67-B-a
thôn Kim Tiến	DC	xã Kim Đức	TP. Việt Trì	21° 23' 10"	105° 21' 24"					F-48-67-B-a
xóm Mức	DC	xã Kim Đức	TP. Việt Trì	21° 22' 47"	105° 22' 13"					F-48-67-B-a
đường tỉnh 323B	KX	xã Kim Đức	TP. Việt Trì			21° 22' 08"	105° 20' 32"	21° 22' 29"	105° 22' 22"	F-48-67-B-c
khu Hồng Hải	DC	xã Minh Nông	TP. Việt Trì	21° 18' 35"	105° 22' 44"					F-48-67-B-d
khu Minh Bột	DC	xã Minh Nông	TP. Việt Trì	21° 18' 57"	105° 22' 26"					F-48-67-B-c
khu Minh Tân	DC	xã Minh Nông	TP. Việt Trì	21° 18' 44"	105° 23' 02"					F-48-67-B-d
khu Thông Đậu	DC	xã Minh Nông	TP. Việt Trì	21° 19' 08"	105° 22' 48"					F-48-67-B-d
khu Cao Đai	DC	xã Minh Phương	TP. Việt Trì	21° 19' 30"	105° 21' 56"					F-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Gò Tôm	DC	xã Minh Phương	TP. Việt Trì	21° 19' 31"	105° 21' 34"					F-48-67-B-c
khu Hợp Phương	DC	xã Minh Phương	TP. Việt Trì	21° 19' 52"	105° 22' 15"					F-48-67-B-c
khu Liên Minh	DC	xã Minh Phương	TP. Việt Trì	21° 19' 53"	105° 21' 42"					F-48-67-B-c
khu Liên Phương	DC	xã Minh Phương	TP. Việt Trì	21° 19' 44"	105° 22' 11"					F-48-67-B-c
khu Tân Phương	DC	xã Minh Phương	TP. Việt Trì	21° 19' 35"	105° 22' 15"					F-48-67-B-c
khu Trung Phương	DC	xã Minh Phương	TP. Việt Trì	21° 19' 19"	105° 22' 15"					F-48-67-B-c
khu Vân Cơ	DC	xã Minh Phương	TP. Việt Trì	21° 20' 03"	105° 22' 06"					F-48-67-B-c
thôn An Thái	DC	xã Phượng Lâu	TP. Việt Trì	21° 21' 50"	105° 22' 19"					F-48-67-B-c
thôn Phượng An	DC	xã Phượng Lâu	TP. Việt Trì	21° 21' 27"	105° 23' 05"					F-48-67-B-c
thôn Phượng Lâu	DC	xã Phượng Lâu	TP. Việt Trì	21° 21' 16"	105° 23' 17"					F-48-67-B-c
sông Lô	TV	xã Phượng Lâu	TP. Việt Trì			21° 21' 54"	105° 23' 27"	21° 21' 04"	105° 23' 59"	F-48-67-B-c
khu 1	DC	xã Sông Lô	TP. Việt Trì	21° 19' 20"	105° 26' 12"					F-48-67-B-d
khu 2	DC	xã Sông Lô	TP. Việt Trì	21° 19' 09"	105° 26' 14"					F-48-67-B-d
khu 3	DC	xã Sông Lô	TP. Việt Trì	21° 18' 55"	105° 26' 17"					F-48-67-B-d
khu 4	DC	xã Sông Lô	TP. Việt Trì	21° 18' 51"	105° 26' 41"					F-48-67-B-d
khu 5	DC	xã Sông Lô	TP. Việt Trì	21° 18' 32"	105° 26' 49"					F-48-67-B-d
khu 6	DC	xã Sông Lô	TP. Việt Trì	21° 18' 17"	105° 26' 46"					F-48-67-B-d
khu 7	DC	xã Sông Lô	TP. Việt Trì	21° 18' 28"	105° 26' 01"					F-48-67-B-d
khu 8	DC	xã Sông Lô	TP. Việt Trì	21° 18' 53"	105° 25' 51"					F-48-67-B-d
sông Lô	TV	xã Sông Lô	TP. Việt Trì			21° 19' 27"	105° 26' 39"	21° 15' 57"	105° 26' 33"	F-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 1	DC	xã Tân Đức	TP. Việt Trì	21° 18' 39"	105° 21' 55"					F-48-67-B-c
khu 2	DC	xã Tân Đức	TP. Việt Trì	21° 18' 51"	105° 21' 54"					F-48-67-B-c
khu 3	DC	xã Tân Đức	TP. Việt Trì	21° 18' 49"	105° 21' 45"					F-48-67-B-c
khu 4	DC	xã Tân Đức	TP. Việt Trì	21° 18' 41"	105° 21' 38"					F-48-67-B-c
sông Hồng	TV	xã Tân Đức	TP. Việt Trì			21° 18' 26"	105° 22' 09"	21° 16' 57"	105° 21' 22"	F-48-67-B-c
khu 1	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 19' 29"	105° 18' 27"					F-48-67-B-c
khu 2	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 19' 45"	105° 18' 30"					F-48-67-B-c
khu 3	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 19' 50"	105° 18' 53"					F-48-67-B-c
khu 4	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 20' 14"	105° 19' 03"					F-48-67-B-c
khu 5	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 20' 05"	105° 19' 16"					F-48-67-B-c
khu 6	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 20' 12"	105° 19' 27"					F-48-67-B-c
khu 7	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 20' 33"	105° 19' 40"					F-48-67-B-c
khu 8	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 20' 00"	105° 19' 48"					F-48-67-B-c
khu 9	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 19' 37"	105° 19' 36"					F-48-67-B-c
khu 10	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 19' 48"	105° 19' 18"					F-48-67-B-c
khu 11	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 19' 30"	105° 19' 19"					F-48-67-B-c
khu 12	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 19' 10"	105° 19' 24"					F-48-67-B-c
khu 13	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 19' 19"	105° 19' 02"					F-48-67-B-c
khu 14	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 19' 23"	105° 18' 49"					F-48-67-B-c
thôn Cẩm Đội	DC	xã Thụy Vân	TP. Việt Trì	21° 19' 34"	105° 21' 16"					F-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Ngoại	DC	xã Thụy Vân	TP. Việt Trì	21° 19' 04"	105° 20' 43"					F-48-67-B-c
thôn Nỗ Lực	DC	xã Thụy Vân	TP. Việt Trì	21° 18' 53"	105° 21' 38"					F-48-67-B-c
thôn Phú Hậu	DC	xã Thụy Vân	TP. Việt Trì	21° 19' 30"	105° 20' 14"					F-48-67-B-c
thôn Phú Thịnh	DC	xã Thụy Vân	TP. Việt Trì	21° 19' 17"	105° 20' 27"					F-48-67-B-c
KCN Thụy Vân	KX	xã Thụy Vân	TP. Việt Trì	21° 20' 23"	105° 20' 54"					F-48-67-B-c
xóm Đình	DC	xã Trưng Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 08"	105° 24' 54"					F-48-67-B-d
xóm Đỉnh	DC	xã Trưng Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 40"	105° 24' 38"					F-48-67-B-d
xóm Đồi Mai	DC	xã Trưng Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 44"	105° 24' 56"					F-48-67-B-d
xóm Gạo	DC	xã Trưng Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 56"	105° 25' 24"					F-48-67-B-d
xóm Lăng	DC	xã Trưng Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 52"	105° 24' 44"					F-48-67-B-d
xóm Mộ	DC	xã Trưng Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 25"	105° 24' 24"					F-48-67-B-d
xóm Mới	DC	xã Trưng Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 27"	105° 25' 31"					F-48-67-B-d
xóm Nội	DC	xã Trưng Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 44"	105° 25' 16"					F-48-67-B-d
xóm Quế	DC	xã Trưng Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 29"	105° 24' 40"					F-48-67-B-d
xóm Sải	DC	xã Trưng Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 24"	105° 25' 14"					F-48-67-B-d
xóm Thịnh	DC	xã Trưng Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 13"	105° 24' 39"					F-48-67-B-d
xóm Thọ	DC	xã Trưng Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 25"	105° 24' 53"					F-48-67-B-d
xóm Ươm	DC	xã Trưng Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 41"	105° 25' 48"					F-48-67-B-d
xóm Vòng	DC	xã Trưng Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 49"	105° 25' 39"					F-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Nguyễn Tất Thành	KX	xã Trưng Vương	TP. Việt Trì			21° 19' 15"	105° 24' 17"	21° 18' 54"	105° 24' 49"	F-48-67-B-d
khu 1	DC	xã Vân Phú	TP. Việt Trì	21° 22' 05"	105° 20' 36"					F-48-67-B-c
khu 2	DC	xã Vân Phú	TP. Việt Trì	21° 21' 18"	105° 20' 30"					F-48-67-B-c
khu 3	DC	xã Vân Phú	TP. Việt Trì	21° 20' 47"	105° 21' 11"					F-48-67-B-c
khu 4	DC	xã Vân Phú	TP. Việt Trì	21° 21' 15"	105° 21' 10"					F-48-67-B-c
khu 5	DC	xã Vân Phú	TP. Việt Trì	21° 20' 36"	105° 22' 49"					F-48-67-B-d
khu 6	DC	xã Vân Phú	TP. Việt Trì	21° 20' 39"	105° 21' 56"					F-48-67-B-c
khu 7	DC	xã Vân Phú	TP. Việt Trì	21° 20' 34"	105° 22' 23"					F-48-67-B-c
khu 8	DC	xã Vân Phú	TP. Việt Trì	21° 20' 58"	105° 22' 10"					F-48-67-B-c
núi Đinh	SV	xã Vân Phú	TP. Việt Trì	21° 21' 07"	105° 20' 10"					F-48-67-B-c
cầu Phú Nang	KX	xã Vân Phú	TP. Việt Trì	21° 20' 44"	105° 21' 30"					F-48-67-B-c
cầu Giếng Chanh	KX	P. Âu Cơ	TX. Phú Thọ	21° 24' 03"	105° 13' 00"					F-48-67-A-b
ga Phú Thọ	KX	P. Phong Châu	TX. Phú Thọ	21° 24' 12"	105° 13' 20"					F-48-67-A-b
xóm Cao Bang	DC	P. Trường Thịnh	TX. Phú Thọ	21° 23' 40"	105° 12' 50"					F-48-67-A-b
xóm Phú An	DC	P. Trường Thịnh	TX. Phú Thọ	21° 24' 21"	105° 12' 01"					F-48-67-A-b
xóm Phú Liêm	DC	P. Trường Thịnh	TX. Phú Thọ	21° 24' 41"	105° 12' 13"					F-48-67-A-b
xóm Phú Lợi	DC	P. Trường Thịnh	TX. Phú Thọ	21° 24' 26"	105° 13' 41"					F-48-67-A-b
khu 7	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 25' 33"	105° 13' 31"					F-48-67-A-b
khu 8	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 25' 13"	105° 13' 30"					F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 15	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 26' 00"	105° 13' 02"					F-48-67-A-b
xóm Cốc	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 24' 37"	105° 14' 02"					F-48-67-A-b
xóm Đát	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 25' 52"	105° 14' 15"					F-48-67-A-b
xóm Đông Xuân	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 27' 20"	105° 13' 33"					F-48-67-A-b
xóm Làng	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 26' 34"	105° 13' 26"					F-48-67-A-b
Lều Thờ	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 26' 56"	105° 13' 14"					F-48-67-A-b
xóm Lò Rèn	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 26' 48"	105° 13' 21"					F-48-67-A-b
làng Long Ân	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 25' 03"	105° 14' 13"					F-48-67-A-b
xóm Nhà Thờ	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 26' 54"	105° 13' 54"					F-48-67-A-b
xóm Ổ Rồng	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 25' 40"	105° 13' 58"					F-48-67-A-b
xóm Quân Dành	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 27' 01"	105° 13' 44"					F-48-67-A-b
xóm Rừng Nụ	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 25' 47"	105° 13' 31"					F-48-67-A-b
xóm Sấu	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 25' 25"	105° 13' 51"					F-48-67-A-b
xóm Thông Bay	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 27' 31"	105° 13' 41"					F-48-67-A-b
xóm Trại	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 26' 12"	105° 13' 48"					F-48-67-A-b
xóm Xuân Dục	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 27' 25"	105° 13' 55"					F-48-67-A-b
đường tỉnh 315B	KX	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ			21° 25' 46"	105° 12' 58"	21° 26' 38"	105° 13' 49"	F-48-67-A-b
Liên đoàn Địa chất Tây Bắc	KX	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 29' 39"	105° 13' 18"					F-48-67-A-b
cầu Thia	KX	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 26' 18"	105° 13' 31"					F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Thia	KX	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 26' 19"	105° 13' 19"					F-48-67-A-b
cầu Vân Thê	KX	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 26' 39"	105° 13' 49"					F-48-67-A-b
xóm Đồi	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 24' 06"	105° 15' 36"					F-48-67-B-a
xóm Hoàng Nàm	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 23' 18"	105° 15' 08"					F-48-67-B-a
xóm Hưng Đạo	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 24' 08"	105° 14' 35"					F-48-67-A-b
xóm Hùng Thao	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 23' 39"	105° 14' 36"					F-48-67-A-b
xóm Lê Lợi	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 23' 42"	105° 15' 45"					F-48-67-B-a
xóm Lũng Thượng	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 24' 29"	105° 14' 46"					F-48-67-A-b
xóm Ngọc Tháp	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 23' 55"	105° 14' 09"					F-48-67-A-b
xóm Ngũ Phúc	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 23' 59"	105° 15' 12"					F-48-67-B-a
xóm Phong Đăng	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 25' 38"	105° 15' 12"					F-48-67-B-a
xóm Phú Cả	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 23' 55"	105° 14' 49"					F-48-67-A-b
xóm Phú Thịnh	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 23' 22"	105° 15' 42"					F-48-67-B-a
xóm Thiện Mỹ	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 23' 41"	105° 15' 03"					F-48-67-B-a
đường tỉnh 320B	KX	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ			21° 24' 34"	105° 14' 38"	21° 23' 23"	105° 14' 46"	F-48-67-A-b
chùa Ngọc Tháp	KX	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 23' 53"	105° 14' 07"					F-48-67-A-b
bến phà Ngọc Tháp	KX	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 23' 47"	105° 14' 06"					F-48-67-A-b
khu 9	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 27' 27"	105° 14' 42"					F-48-67-A-b
khu 14	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 26' 30"	105° 13' 53"					F-48-67-A-b
khu 18	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 26' 56"	105° 14' 30"					F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng An Xuân	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 25' 53"	105° 15' 37"					F-48-67-B-a
xóm Ao Cá	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 26' 49"	105° 15' 43"					F-48-67-B-a
xóm Cao Dao	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 27' 25"	105° 15' 07"					F-48-67-B-a
xóm Cầu Quan	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 27' 25"	105° 14' 25"					F-48-67-A-b
xóm Đồng Giò	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 26' 52"	105° 16' 47"					F-48-67-B-a
xóm Đồng Gianh	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 26' 40"	105° 14' 42"					F-48-67-A-b
xóm Lũng Hoi	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 26' 26"	105° 15' 36"					F-48-67-B-a
làng Nậu Phú	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 26' 22"	105° 16' 00"					F-48-67-B-a
xóm Nhà Bò	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 26' 22"	105° 15' 03"					F-48-67-B-a
làng Phú Cường	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 24' 48"	105° 16' 18"					F-48-67-B-a
xóm Trại Khế	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 27' 01"	105° 15' 02"					F-48-67-A-b
xóm Việt Cường	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 27' 06"	105° 16' 37"					F-48-67-B-a
quốc lộ 2	KX	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ			21° 27' 32"	105° 14' 23"	21° 26' 39"	105° 16' 51"	F-48-67-A-b, F-48-67-B-a
đường tỉnh 315	KX	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ			21° 26' 38"	105° 13' 49"	21° 26' 57"	105° 14' 20"	F-48-67-A-b
Công ty Hóa chất 21	KX	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 26' 39"	105° 15' 13"					F-48-67-B-a
chùa Phú Cường	KX	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 24' 54"	105° 16' 04"					F-48-67-B-a
cầu Phú Hộ	KX	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 26' 51"	105° 14' 17"					F-48-67-A-b
cầu Quan	KX	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 27' 32"	105° 14' 23"					F-48-67-A-b
xóm Gò	DC	xã Thanh Minh	TX. Phú Thọ	21° 23' 31"	105° 12' 09"					F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Hạ Mạo	DC	xã Thanh Minh	TX. Phú Thọ	21° 22' 34"	105° 12' 13"					F-48-67-A-b
xóm Lý	DC	xã Thanh Minh	TX. Phú Thọ	21° 23' 21"	105° 11' 44"					F-48-67-A-b
xóm Mới	DC	xã Thanh Minh	TX. Phú Thọ	21° 23' 44"	105° 12' 05"					F-48-67-A-b
thôn Thanh Lâu	DC	xã Thanh Minh	TX. Phú Thọ	21° 23' 14"	105° 12' 22"					F-48-67-A-b
xóm Vân	DC	xã Thanh Minh	TX. Phú Thọ	21° 23' 05"	105° 11' 54"					F-48-67-A-b
khu 3	DC	xã Thanh Vinh	TX. Phú Thọ	21° 24' 42"	105° 11' 26"					F-48-67-A-b
xóm Ba Hàng	DC	xã Thanh Vinh	TX. Phú Thọ	21° 23' 59"	105° 11' 04"					F-48-67-A-b
xóm Ba Miệng	DC	xã Thanh Vinh	TX. Phú Thọ	21° 24' 42"	105° 10' 59"					F-48-67-A-b
xóm Thanh Viên	DC	xã Thanh Vinh	TX. Phú Thọ	21° 25' 04"	105° 11' 38"					F-48-67-A-b
xóm Trại Soi	DC	xã Thanh Vinh	TX. Phú Thọ	21° 24' 14"	105° 11' 20"					F-48-67-A-b
làng An Ninh Hạ	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 25' 29"	105° 12' 55"					F-48-67-A-b
làng An Ninh Thượng	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 25' 25"	105° 12' 06"					F-48-67-A-b
xóm Cố Gắng	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 25' 00"	105° 12' 11"					F-48-67-A-b
xóm Công Thành	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 24' 40"	105° 12' 49"					F-48-67-A-b
xóm Đoàn Kết	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 24' 37"	105° 13' 03"					F-48-67-A-b
xóm Dộc Đình	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 24' 45"	105° 13' 05"					F-48-67-A-b
xóm Đời Mới	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 25' 16"	105° 12' 12"					F-48-67-A-b
xóm Hòa Bình	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 25' 291"	105° 12' 00"					F-48-67-A-b
xóm Mỏ Cò	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 25' 59"	105° 12' 37"					F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Núi Trên	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 25' 10"	105° 12' 54"					F-48-67-A-b
thôn Thống Nhất	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 24' 58"	105° 13' 23"					F-48-67-A-b
làng Trù Mật	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 24' 29"	105° 13' 08"					F-48-67-A-b
xóm Vinh Quang	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 25' 42"	105° 12' 19"					F-48-67-A-b
xóm Vườn Hên	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 25' 15"	105° 12' 33"					F-48-67-A-b
thôn Xuân Thành	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 24' 58"	105° 12' 45"					F-48-67-A-b
đường tỉnh 315	KX	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ			21° 24' 35"	105° 12' 41"	21° 25' 46"	105° 12' 58"	F-48-67-A-b
cầu Quảng	KX	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 24' 35"	105° 12' 41"					F-48-67-A-b
cầu Róc	KX	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 25' 46"	105° 12' 58"					F-48-67-A-b
thôn Bình Phú	DC	TT. Sông Thao	H. Cẩm Khê	21° 25' 24"	105° 08' 19"					F-48-67-A-b
thôn Đông Viên	DC	TT. Sông Thao	H. Cẩm Khê	21° 25' 43"	105° 08' 16"					F-48-67-A-b
thôn Vực Câu	DC	TT. Sông Thao	H. Cẩm Khê	21° 25' 31"	105° 07' 40"					F-48-67-A-b
sông Hồng	TV	TT. Sông Thao	H. Cẩm Khê			21° 26' 02"	105° 07' 55"	21° 24' 57"	105° 09' 09"	F-48-67-A-b
đường tỉnh 313	KX	TT. Sông Thao	H. Cẩm Khê			21° 25' 18"	105° 07' 26"	21° 25' 22"	105° 07' 52"	F-48-67-A-b
quốc lộ 32C	KX	TT. Sông Thao	H. Cẩm Khê			21° 25' 55"	105° 07' 47"	21° 24' 58"	105° 08' 23"	F-48-67-A-b
xóm Chùa	DC	xã Cấp Dẫn	H. Cẩm Khê	21° 26' 10"	105° 04' 48"					F-48-67-A-a
xóm Đình	DC	xã Cấp Dẫn	H. Cẩm Khê	21° 25' 55"	105° 04' 43"					F-48-67-A-a
xóm Kiến Thiết	DC	xã Cấp Dẫn	H. Cẩm Khê	21° 25' 19"	105° 05' 05"					F-48-67-A-a
xóm Ngâu	DC	xã Cấp Dẫn	H. Cẩm Khê	21° 25' 58"	105° 04' 38"					F-48-67-A-a
xóm Tân Lập	DC	xã Cấp Dẫn	H. Cẩm Khê	21° 25' 12"	105° 04' 08"					F-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Thống Nhất	DC	xã Cấp Dẫn	H. Cẩm Khê	21° 25' 03"	105° 04' 56"					F-48-67-A-a
xóm Thượng	DC	xã Cấp Dẫn	H. Cẩm Khê	21° 25' 27"	105° 04' 37"					F-48-67-A-a
xóm Trung Thành	DC	xã Cấp Dẫn	H. Cẩm Khê	21° 25' 41"	105° 05' 03"					F-48-67-A-a
đập Đồng Thìn	KX	xã Cấp Dẫn	H. Cẩm Khê	21° 24' 48"	105° 04' 11"					F-48-67-A-a
thôn Phú Xuân	DC	xã Cát Trù	H. Cẩm Khê	21° 20' 36"	105° 10' 25"					F-48-67-A-d
thôn Thượng Cát	DC	xã Cát Trù	H. Cẩm Khê	21° 20' 56"	105° 10' 33"					F-48-67-A-d
khu Bạch Hạc	DC	xã Chương Xá	H. Cẩm Khê	21° 21' 26"	105° 07' 16"					F-48-67-A-c
xóm Hùng Tiến	DC	xã Chương Xá	H. Cẩm Khê	21° 21' 28"	105° 07' 58"					F-48-67-A-d
xóm Quyết Thắng	DC	xã Chương Xá	H. Cẩm Khê	21° 22' 07"	105° 07' 57"					F-48-67-A-d
xóm Quyết Tiến	DC	xã Chương Xá	H. Cẩm Khê	21° 21' 54"	105° 08' 10"					F-48-67-A-d
xóm Tiền Phong	DC	xã Chương Xá	H. Cẩm Khê	21° 21' 55"	105° 07' 33"					F-48-67-A-d
xóm Trại Cá	DC	xã Chương Xá	H. Cẩm Khê	21° 21' 11"	105° 07' 17"					F-48-67-A-c
ngòi Cỏ	TV	xã Chương Xá	H. Cẩm Khê			21° 20' 51"	105° 07' 15"	21° 20' 49"	105° 07' 13"	F-48-67-A-d
xóm Cống 1	DC	xã Điêu Lương	H. Cẩm Khê	21° 19' 45"	105° 10' 52"					F-48-67-A-d
xóm Cửa Ải	DC	xã Điêu Lương	H. Cẩm Khê	21° 19' 55"	105° 09' 23"					F-48-67-A-d
xóm Đồng Chè	DC	xã Điêu Lương	H. Cẩm Khê	21° 19' 59"	105° 10' 12"					F-48-67-A-d
xóm Dục Bò	DC	xã Điêu Lương	H. Cẩm Khê	21° 19' 43"	105° 09' 58"					F-48-67-A-d
xóm Huân Trầm	DC	xã Điêu Lương	H. Cẩm Khê	21° 20' 34"	105° 09' 17"					F-48-67-A-d
xóm Làng	DC	xã Điêu Lương	H. Cẩm Khê	21° 20' 10"	105° 10' 31"					F-48-67-A-d
xóm Sậu	DC	xã Điêu Lương	H. Cẩm Khê	21° 20' 19"	105° 09' 46"					F-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Trung Thị	DC	xã Điêu Lương	H. Cẩm Khê	21° 20' 13"	105° 10' 45"					F-48-67-A-d
xóm Või 2	DC	xã Điêu Lương	H. Cẩm Khê	21° 20' 05"	105° 09' 20"					F-48-67-A-d
hồ Dục Bò	TV	xã Điêu Lương	H. Cẩm Khê	21° 19' 37"	105° 09' 50"					F-48-67-A-d
hồ Dục Gạo	TV	xã Điêu Lương	H. Cẩm Khê	21° 19' 18"	105° 10' 07"					F-48-67-A-d
đường tỉnh 313	KX	xã Điêu Lương	H. Cẩm Khê			21° 19' 03"	105° 09' 03"	21° 18' 39"	105° 09' 29"	F-48-67-A-d
thôn Cam Chú	DC	xã Đồng Cam	H. Cẩm Khê	21° 27' 07"	105° 04' 00"					F-48-67-A-a
thôn Đồng Kệ	DC	xã Đồng Cam	H. Cẩm Khê	21° 27' 56"	105° 03' 38"					F-48-67-A-a
xóm Đá Hen	DC	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê	21° 17' 47"	105° 10' 33"					F-48-67-A-d
xóm Đồn Điền	DC	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê	21° 17' 59"	105° 10' 05"					F-48-67-A-d
xóm Làng Đồi	DC	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê	21° 18' 48"	105° 10' 21"					F-48-67-A-d
thôn Vạn Phong	DC	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê	21° 19' 15"	105° 10' 56"					F-48-67-A-d
làng Vực	DC	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê	21° 19' 33"	105° 11' 18"					F-48-67-A-d
xóm Xi Hen	DC	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê	21° 18' 29"	105° 10' 52"					F-48-67-A-d
đầm Đồng Vực	TV	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê	21° 19' 15"	105° 11' 42"					F-48-67-A-d
sông Hồng	TV	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê			21° 19' 47"	105° 11' 15"	21° 19' 33"	105° 12' 05"	F-48-67-A-d
hồ Ngả Hai	TV	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê	21° 17' 55"	105° 09' 34"					F-48-67-A-d
đường tỉnh 313C	KX	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê			21° 18' 39"	105° 09' 29"	21° 19' 36"	105° 11' 04"	F-48-67-A-d
quốc lộ 32C	KX	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê			21° 19' 36"	105° 10' 55"	21° 19' 18"	105° 11' 59"	F-48-67-A-d
cầu Tứ Mỹ	KX	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê	21° 19' 18"	105° 11' 59"					F-48-67-A-d
khu 1	DC	xã Hiền Đa	H. Cẩm Khê	21° 21' 42"	105° 10' 14"					F-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 3	DC	xã Hiền Đa	H. Cẩm Khê	21° 21' 29"	105° 10' 09"					F-48-67-A-d
xóm Do Lục	DC	xã Hương Lung	H. Cẩm Khê	21° 22' 48"	105° 05' 38"					F-48-67-A-a
xóm Tran	DC	xã Hương Lung	H. Cẩm Khê	21° 22' 01"	105° 05' 07"					F-48-67-A-c
xóm Xuân Ứng	DC	xã Hương Lung	H. Cẩm Khê	21° 23' 14"	105° 06' 06"					F-48-67-A-a
xóm Xuông	DC	xã Hương Lung	H. Cẩm Khê	21° 22' 44"	105° 04' 29"					F-48-67-A-a
đỉnh Ba Huyện	SV	xã Hương Lung	H. Cẩm Khê	21° 22' 00"	105° 05' 53"					F-48-67-A-c
đồi Đõ	SV	xã Hương Lung	H. Cẩm Khê	21° 23' 08"	105° 03' 07"					F-48-67-A-c
đập Đồng Ba	KX	xã Hương Lung	H. Cẩm Khê	21° 23' 08"	105° 04' 33"					F-48-67-A-a
cầu Suối Rắn 1	KX	xã Hương Lung	H. Cẩm Khê	21° 22' 48"	105° 04' 50"					F-48-67-A-a
cầu Suối Rắn 2	KX	xã Hương Lung	H. Cẩm Khê	21° 22' 35"	105° 04' 42"					F-48-67-A-a
cầu Suông	KX	xã Hương Lung	H. Cẩm Khê	21° 22' 58"	105° 05' 19"					F-48-67-A-a
khu 1	DC	xã Ngô Xá	H. Cẩm Khê	21° 28' 23"	105° 02' 49"					F-48-67-A-a
khu 4	DC	xã Ngô Xá	H. Cẩm Khê	21° 27' 51"	105° 02' 39"					F-48-67-A-a
khu 8	DC	xã Ngô Xá	H. Cẩm Khê	21° 28' 05"	105° 02' 08"					F-48-67-A-a
khu 10	DC	xã Ngô Xá	H. Cẩm Khê	21° 27' 23"	105° 01' 19"					F-48-67-A-a
hồ Đầm Rôm	TV	xã Ngô Xá	H. Cẩm Khê	21° 27' 30"	105° 01' 44"					F-48-67-A-a
hồ Đồng Chằm	TV	xã Ngô Xá	H. Cẩm Khê	21° 28' 26"	105° 02' 37"					F-48-67-A-a
xóm Đoài Ngoài	DC	xã Phú Khê	H. Cẩm Khê	21° 24' 15"	105° 07' 59"					F-48-67-A-b
xóm Đoài Trong	DC	xã Phú Khê	H. Cẩm Khê	21° 24' 22"	105° 07' 51"					F-48-67-A-b
xóm Đông	DC	xã Phú Khê	H. Cẩm Khê	21° 24' 47"	105° 08' 15"					F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đồng Mười	DC	xã Phú Khê	H. Cẩm Khê	21° 24' 04"	105° 07' 43"					F-48-67-A-b
xóm Luông Lữu	DC	xã Phú Khê	H. Cẩm Khê	21° 24' 52"	105° 07' 52"					F-48-67-A-b
xóm Phú Lực	DC	xã Phú Khê	H. Cẩm Khê	21° 24' 16"	105° 06' 46"					F-48-67-A-a
xóm Tân Lập	DC	xã Phú Khê	H. Cẩm Khê	21° 25' 02"	105° 07' 51"					F-48-67-A-b
xóm Bắc Tiến	DC	xã Phú Lạc	H. Cẩm Khê	21° 23' 35"	105° 08' 43"					F-48-67-A-b
xóm Đông Tiến	DC	xã Phú Lạc	H. Cẩm Khê	21° 22' 34"	105° 08' 43"					F-48-67-A-d
xóm Nam Tiến	DC	xã Phú Lạc	H. Cẩm Khê	21° 22' 17"	105° 08' 20"					F-48-67-A-d
xóm Tây Tiến	DC	xã Phú Lạc	H. Cẩm Khê	21° 22' 37"	105° 08' 09"					F-48-67-A-b
xóm Trung Tiến	DC	xã Phú Lạc	H. Cẩm Khê	21° 22' 28"	105° 08' 24"					F-48-67-A-d
hồ Đồng Phiến	TV	xã Phú Lạc	H. Cẩm Khê	21° 22' 40"	105° 08' 32"					F-48-67-A-b
xóm Cống	DC	xã Phùng Xá	H. Cẩm Khê	21° 27' 22"	105° 05' 21"					F-48-67-A-a
xóm Đạng	DC	xã Phùng Xá	H. Cẩm Khê	21° 27' 07"	105° 05' 00"					F-48-67-A-a
xóm Gọ	DC	xã Phùng Xá	H. Cẩm Khê	21° 27' 26"	105° 04' 48"					F-48-67-A-a
xóm Sậu	DC	xã Phùng Xá	H. Cẩm Khê	21° 27' 47"	105° 04' 57"					F-48-67-A-a
xóm Gò Đình	DC	xã Phượng Vĩ	H. Cẩm Khê	21° 26' 07"	105° 01' 05"					F-48-67-A-a
thôn Khổng Tước	DC	xã Phượng Vĩ	H. Cẩm Khê	21° 26' 24"	105° 01' 28"					F-48-67-A-a
thôn Phượng Cát	DC	xã Phượng Vĩ	H. Cẩm Khê	21° 27' 23"	105° 00' 18"					F-48-67-A-a
thôn Vân Thê	DC	xã Phượng Vĩ	H. Cẩm Khê	21° 26' 13"	104° 59' 53"					F-48-66-B-b
đầm Bảy Bờ	TV	xã Phượng Vĩ	H. Cẩm Khê	21° 26' 46"	105° 01' 20"					F-48-67-A-a
đầm Khán Than	TV	xã Phượng Vĩ	H. Cẩm Khê	21° 27' 52"	105° 00' 50"					F-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đầm Oai	TV	xã Phượng Vĩ	H. Cẩm Khê	21° 27' 09"	104° 59' 49"					F-48-66-B-b
đường tỉnh 323	KX	xã Phượng Vĩ	H. Cẩm Khê			21° 27' 45"	104° 59' 41"	21° 26' 00"	105° 01' 48"	F-48-66-B-b
cầu Phượng Vĩ	KX	xã Phượng Vĩ	H. Cẩm Khê	21° 27' 08"	105° 00' 38"					F-48-67-A-a
thôn Liên Phương	DC	xã Phương Xá	H. Cẩm Khê	21° 28' 08"	105° 05' 01"					F-48-67-A-a
thôn Thổ Khối	DC	xã Phương Xá	H. Cẩm Khê	21° 28' 32"	105° 04' 43"					F-48-67-A-a
đường tỉnh 321C	KX	xã Phương Xá	H. Cẩm Khê			21° 27' 20"	105° 04' 12"	21° 28' 17"	105° 04' 47"	F-48-67-A-a
thôn Nga Hà	DC	xã Sai Nga	H. Cẩm Khê	21° 26' 15"	105° 07' 32"					F-48-67-A-b
thôn Sơn Cương	DC	xã Sai Nga	H. Cẩm Khê	21° 26' 01"	105° 07' 40"					F-48-67-A-b
thôn Văn Phú	DC	xã Sai Nga	H. Cẩm Khê	21° 26' 37"	105° 06' 38"					F-48-67-A-a
sông Hồng	TV	xã Sai Nga	H. Cẩm Khê			21° 27' 10"	105° 06' 33"	21° 26' 02"	105° 07' 55"	F-48-67-A-a
thôn Chùa Bộ	DC	xã Sơn Nga	H. Cẩm Khê	21° 26' 30"	105° 05' 57"					F-48-67-A-a
thôn Đồng Hàng	DC	xã Sơn Nga	H. Cẩm Khê	21° 27' 09"	105° 05' 54"					F-48-67-A-a
thôn Minh Sơn	DC	xã Sơn Nga	H. Cẩm Khê	21° 26' 28"	105° 05' 10"					F-48-67-A-a
thôn Quang Trung	DC	xã Sơn Nga	H. Cẩm Khê	21° 26' 44"	105° 06' 10"					F-48-67-A-a
quốc lộ 32C	TV	xã Sơn Nga	H. Cẩm Khê			21° 27' 21"	105° 05' 40"	21° 26' 52"	105° 06'28"	F-48-67-A-a
hồ Đồng Mèn	TV	xã Sơn Nga	H. Cẩm Khê	21° 26' 20"	105° 04' 59"					F-48-67-A-a
xóm Cánh	DC	xã Sơn Tình	H. Cẩm Khê	21° 24' 03"	105° 05' 28"					F-48-67-A-a
xóm Chằm	DC	xã Sơn Tình	H. Cẩm Khê	21° 24' 00"	105° 06' 39"					F-48-67-A-a
xóm Cửa Miếu	DC	xã Sơn Tình	H. Cẩm Khê	21° 23' 37"	105° 05' 06"					F-48-67-A-a
xóm Gò Chùa	DC	xã Sơn Tình	H. Cẩm Khê	21° 23' 41"	105° 05' 54"					F-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Gò Làng Dưới	DC	xã Sơn Tình	H. Cẩm Khê	21° 24' 03"	105° 05' 58"					F-48-67-A-a
xóm Gò Làng Trên	DC	xã Sơn Tình	H. Cẩm Khê	21° 24' 28"	105° 05' 54"					F-48-67-A-a
xóm Làng	DC	xã Sơn Tình	H. Cẩm Khê	21° 24' 19"	105° 06' 20"					F-48-67-A-a
xóm Nhà Thị	DC	xã Sơn Tình	H. Cẩm Khê	21° 24' 31"	105° 06' 32"					F-48-67-A-a
đường tỉnh 313	KX	xã Sơn Tình	H. Cẩm Khê			21° 23' 31"	105° 05' 15"	21° 24' 59"	105° 06' 40"	F-48-67-A-a
đường tỉnh 313B	KX	xã Sơn Tình	H. Cẩm Khê			21° 24' 19"	105° 04' 37"	21° 23' 32"	105° 04' 46"	F-48-67-A-a
đập Vực Xi	KX	xã Sơn Tình	H. Cẩm Khê	21° 23' 44"	105° 05' 15"					F-48-67-A-a
cầu Xô	KX	xã Sơn Tình	H. Cẩm Khê	21° 24' 29"	105° 06' 11"					F-48-67-A-a
xóm Dân Chủ	DC	xã Tạ Xá	H. Cẩm Khê	21° 22' 47"	105° 06' 53"					F-48-67-A-a
xóm Đoàn Kết	DC	xã Tạ Xá	H. Cẩm Khê	21° 23' 00"	105° 07' 42"					F-48-67-A-b
xóm Đồng Tiến	DC	xã Tạ Xá	H. Cẩm Khê	21° 23' 15"	105° 06' 57"					F-48-67-A-a
xóm Gò Nứa	DC	xã Tạ Xá	H. Cẩm Khê	21° 22' 20"	105° 06' 59"					F-48-67-A-c
xóm Liên Minh	DC	xã Tạ Xá	H. Cẩm Khê	21° 22' 51"	105° 06' 32"					F-48-67-A-a
xóm Phú An	DC	xã Tạ Xá	H. Cẩm Khê	21° 22' 33"	105° 07' 37"					F-48-67-A-b
xóm Phú Xường	DC	xã Tạ Xá	H. Cẩm Khê	21° 22' 27"	105° 06' 36"					F-48-67-A-a
xóm Tự Do	DC	xã Tạ Xá	H. Cẩm Khê	21° 22' 54"	105° 07' 11"					F-48-67-A-a
ngòi Me	TV	xã Tạ Xá	H. Cẩm Khê			21° 23' 36"	105° 06' 20"	21° 23' 29"	105° 08' 02"	F-48-67-A-a
đầm Múc Mận	TV	xã Tạ Xá	H. Cẩm Khê	21° 22' 36"	105° 07' 11"					F-48-67-A-b
xóm Chanh Ngô	DC	xã Tam Sơn	H. Cẩm Khê	21° 26' 16"	105° 02' 27"					F-48-67-A-a
xóm Đầm Đung	DC	xã Tam Sơn	H. Cẩm Khê	21° 26' 44"	105° 03' 04"					F-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đồng Đắc	DC	xã Tam Sơn	H. Cẩm Khê	21° 25' 43"	105° 01' 43"					F-48-67-A-a
xóm Đồng Nghè	DC	xã Tam Sơn	H. Cẩm Khê	21° 26' 09"	105° 02' 39"					F-48-67-A-a
xóm Đồng Rào	DC	xã Tam Sơn	H. Cẩm Khê	21° 26' 34"	105° 02' 48"					F-48-67-A-a
xóm Gò Chè	DC	xã Tam Sơn	H. Cẩm Khê	21° 25' 49"	105° 02' 39"					F-48-67-A-a
xóm Ngọn Ngòi	DC	xã Tam Sơn	H. Cẩm Khê	21° 25' 36"	105° 02' 01"					F-48-67-A-a
xóm Nhà Thờ	DC	xã Tam Sơn	H. Cẩm Khê	21° 26' 08"	105° 02' 56"					F-48-67-A-a
đầm Đung	TV	xã Tam Sơn	H. Cẩm Khê	21° 26' 28"	105° 03' 09"					F-48-67-A-a
xóm Cát	DC	xã Thanh Nga	H. Cẩm Khê	21° 25' 50"	105° 06' 35"					F-48-67-A-a
xóm Điếm	DC	xã Thanh Nga	H. Cẩm Khê	21° 25' 38"	105° 07' 13"					F-48-67-A-a
xóm Đoài	DC	xã Thanh Nga	H. Cẩm Khê	21° 25' 34"	105° 06' 39"					F-48-67-A-a
xóm Tân Lập	DC	xã Thanh Nga	H. Cẩm Khê	21° 25' 11"	105° 06' 55"					F-48-67-A-a
hồ Dõng Mít	TV	xã Thanh Nga	H. Cẩm Khê	21° 25' 48"	105° 07' 03"					F-48-67-A-a
khu 5	DC	xã Thụy Liễu	H. Cẩm Khê	21° 27' 19"	105° 02' 20"					F-48-67-A-a
khu 6	DC	xã Thụy Liễu	H. Cẩm Khê	21° 27' 03"	105° 02' 02"					F-48-67-A-a
xóm Chừa	DC	xã Thụy Liễu	H. Cẩm Khê	21° 27' 04"	105° 03' 19"					F-48-67-A-a
xóm Ngoài	DC	xã Thụy Liễu	H. Cẩm Khê	21° 27' 38"	105° 03' 08"					F-48-67-A-a
xóm Pha Chi	DC	xã Thụy Liễu	H. Cẩm Khê	21° 27' 34"	105° 02' 37"					F-48-67-A-a
xóm Trong	DC	xã Thụy Liễu	H. Cẩm Khê	21° 27' 11"	105° 02' 54"					F-48-67-A-a
đầm Thụy Liễu	TV	xã Thụy Liễu	H. Cẩm Khê	21° 27' 01"	105° 03' 11"					F-48-67-A-a
Chùa	DC	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê	21° 28' 11"	105° 01' 44"					F-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Đồng Cam	DC	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê	21° 28' 25"	104° 59' 34"					F-48-66-B-b
thôn Hoàng Lương	DC	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê	21° 28' 01"	105° 01' 37"					F-48-67-A-a
xóm Mỹ Lương	DC	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê	21° 29' 23"	105° 01' 52"					F-48-67-A-a
thôn Tiên Động	DC	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê	21° 29' 20"	105° 01' 23"					F-48-67-A-a
núi Am	SV	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê	21° 28' 49"	104° 58' 45"					F-48-66-B-b
đồng Chằm	TV	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê	21° 29' 14"	105° 01' 38"					F-48-67-A-a
đồng Chùa	TV	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê	21° 28' 49"	105° 01' 27"					F-48-67-A-a
ngòi Giành	TV	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê			21° 27' 47"	105° 01' 26"	21° 29'24"	105° 02' 24"	F-48-67-A-a
đồng Mái Vở	TV	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê	21° 28' 56"	105° 02' 06"					F-48-67-A-a
đập Hồ Ban	KX	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê	21° 28' 32"	105° 00' 44"					F-48-67-A-a
xóm Đàng	DC	xã Tình Cương	H. Cẩm Khê	21° 23' 22"	105° 09' 03"					F-48-67-A-b
xóm Đõ	DC	xã Tình Cương	H. Cẩm Khê	21° 22' 50"	105° 09' 04"					F-48-67-A-b
xóm Gò Chế	DC	xã Tình Cương	H. Cẩm Khê	21° 22' 33"	105° 09' 10"					F-48-67-A-b
xóm Gò Chùa	DC	xã Tình Cương	H. Cẩm Khê	21° 23' 05"	105° 09' 17"					F-48-67-A-b
xóm Phiên Quận	DC	xã Tình Cương	H. Cẩm Khê	21° 22' 14"	105° 09' 48"					F-48-67-A-d
xóm Tăng Châu	DC	xã Tình Cương	H. Cẩm Khê	21° 21' 56"	105° 09' 53"					F-48-67-A-d
quốc lộ 32C	KX	xã Tình Cương	H. Cẩm Khê			21° 23' 22"	105° 09' 00"	21° 21' 50"	105° 10' 00"	F-48-67-A-b
cầu Tình Cương	KX	xã Tình Cương	H. Cẩm Khê	21° 22' 30"	105° 09' 31"					F-48-67-A-b
khu 1	DC	xã Tùng Khê	H. Cẩm Khê	21° 26' 39"	105° 04' 23"					F-48-67-A-a
khu 2	DC	xã Tùng Khê	H. Cẩm Khê	21° 26' 23"	105° 04' 23"					F-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 3	DC	xã Tùng Khê	H. Cẩm Khê	21° 26' 07"	105° 04' 14"					F-48-67-A-a
khu 4	DC	xã Tùng Khê	H. Cẩm Khê	21° 25' 51"	105° 04' 05"					F-48-67-A-a
khu 9	DC	xã Tùng Khê	H. Cẩm Khê	21° 25' 17"	105° 03' 42"					F-48-67-A-a
hồ Đồng Mèn	TV	xã Tùng Khê	H. Cẩm Khê	21° 26' 20"	105° 04' 59"					F-48-67-A-a
thôn Dư Ba	DC	xã Tuy Lộc	H. Cẩm Khê	21° 28' 23"	105° 04' 14"					F-48-67-A-a
thôn Quyết Tiến	DC	xã Tuy Lộc	H. Cẩm Khê	21° 28' 54"	105° 03' 30"					F-48-67-A-a
thôn Tăng Xá	DC	xã Tuy Lộc	H. Cẩm Khê	21° 29' 05"	105° 02' 55"					F-48-67-A-a
thôn Thủy Trầm	DC	xã Tuy Lộc	H. Cẩm Khê	21° 28' 16"	105° 03' 05"					F-48-67-A-a
quốc lộ 32C	KX	xã Tuy Lộc	H. Cẩm Khê	21° 29' 56"	105° 04' 41"					F-48-67-A-a
khu 1	DC	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 26' 23"	105° 03' 27"					F-48-67-A-a
khu 2	DC	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 26' 13"	105° 03' 20"					F-48-67-A-a
khu 3	DC	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 25' 55"	105° 03' 10"					F-48-67-A-a
khu 4	DC	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 25' 49"	105° 02' 57"					F-48-67-A-a
khu 5	DC	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 25' 27"	105° 02' 58"					F-48-67-A-a
khu 6	DC	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 25' 26"	105° 03' 11"					F-48-67-A-a
khu 7	DC	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 25' 34"	105° 03' 37"					F-48-67-A-a
khu 8	DC	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 25' 48"	105° 03' 42"					F-48-67-A-a
hồ Ba Vực	TV	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 24' 58"	105° 03' 25"					F-48-67-A-a
đầm Đung	TV	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 26' 28"	105° 03' 09"					F-48-67-A-a
đầm Mái	TV	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 26' 03"	105° 03' 31"					F-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm An Ninh	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 20' 55"	105° 08' 11"					F-48-67-A-d
xóm Bến Phường	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 21' 11"	105° 08' 00"					F-48-67-A-d
xóm Đình	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 21' 03"	105° 08' 40"					F-48-67-A-d
xóm Đồng Phai	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 20' 19"	105° 07' 33"					F-48-67-A-d
xóm Gò Cao	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 21' 14"	105° 07' 45"					F-48-67-A-d
xóm Gò Khế	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 20' 28"	105° 08' 40"					F-48-67-A-d
xóm Hoa Triệu	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 20' 43"	105° 08' 28"					F-48-67-A-d
xóm Lê Lợi	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 21' 15"	105° 09' 12"					F-48-67-A-d
xóm Liên Tiếp	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 21' 13"	105° 08' 43"					F-48-67-A-d
xóm Nguyễn Huệ	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 21' 27"	105° 09' 02"					F-48-67-A-d
xóm Quang Trung	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 21' 20"	105° 08' 51"					F-48-67-A-d
ngòi Cỏ	TV	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê			21° 20' 51"	105° 07' 15"	21° 20' 49"	105° 07' 13"	F-48-67-A-c, F-48-67-A-d
đầm Meo	TV	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 20' 41"	105° 08' 44"					F-48-67-A-d
đường tỉnh 313C	KX	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê			21° 20' 52"	105° 07' 15"	21° 20' 56"	105° 08' 46"	F-48-67-A-c, F-48-67-A-d
đập Ẩu	KX	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 20' 51"	105° 07' 15"					F-48-67-A-d
xóm Cầu Lầu	DC	xã Xương Thịnh	H. Cẩm Khê	21° 25' 25"	105° 05' 32"					F-48-67-A-a
xóm Giữa	DC	xã Xương Thịnh	H. Cẩm Khê	21° 25' 16"	105° 06' 05"					F-48-67-A-a
xóm Gò Hèo	DC	xã Xương Thịnh	H. Cẩm Khê	21° 24' 38"	105° 05' 07"					F-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Gò Sồi	DC	xã Xương Thịnh	H. Cẩm Khê	21° 24' 44"	105° 05' 40"					F-48-67-A-a
xóm Thượng	DC	xã Xương Thịnh	H. Cẩm Khê	21° 25' 39"	105° 05' 51"					F-48-67-A-a
xóm Trại	DC	xã Xương Thịnh	H. Cẩm Khê	21° 25' 02"	105° 06' 22"					F-48-67-A-a
gò Chò	SV	xã Xương Thịnh	H. Cẩm Khê	21° 25' 53"	105° 05' 33"					F-48-67-A-a
thôn Gò Cả	DC	xã Yên Dưỡng	H. Cẩm Khê	21° 20' 47"	105° 09' 26"					F-48-67-A-d
thôn Gò Họ	DC	xã Yên Dưỡng	H. Cẩm Khê	21° 20' 50"	105° 09' 04"					F-48-67-A-d
xóm Móng	DC	xã Yên Dưỡng	H. Cẩm Khê	21° 18' 53"	105° 08' 46"					F-48-67-A-d
xóm Song Nưa	DC	xã Yên Dưỡng	H. Cẩm Khê	21° 20' 31"	105° 08' 54"					F-48-67-A-d
thôn Yên Dưỡng	DC	xã Yên Dưỡng	H. Cẩm Khê	21° 19' 41"	105° 08' 59"					F-48-67-A-d
cầu Tiên Dưỡng	KX	xã Yên Dưỡng	H. Cẩm Khê	21° 20' 19"	105° 09' 01"					F-48-67-A-d
xóm An Phú	DC	xã Yên Tập	H. Cẩm Khê	21° 23' 16"	105° 08' 24"					F-48-67-A-b
xóm Quang Trung	DC	xã Yên Tập	H. Cẩm Khê	21° 24' 24"	105° 08' 33"					F-48-67-A-b
xóm Tiên Phong	DC	xã Yên Tập	H. Cẩm Khê	21° 22' 53"	105° 08' 06"					F-48-67-A-b
xóm Trung Thuận	DC	xã Yên Tập	H. Cẩm Khê	21° 23' 59"	105° 08' 24"					F-48-67-A-b
xóm Trung Tiến	DC	xã Yên Tập	H. Cẩm Khê	21° 23' 41"	105° 08' 13"					F-48-67-A-b
khu Đoàn Kết	DC	TT. Đoan Hùng	H. Đoan Hùng	21° 37' 23"	105° 10' 14"					F-48-55-C-b
khu Phú Thịnh	DC	TT. Đoan Hùng	H. Đoan Hùng	21° 38' 13"	105° 11' 03"					F-48-55-C-b
khu Tân Long	DC	TT. Đoan Hùng	H. Đoan Hùng	21° 37' 54"	105° 10' 45"					F-48-55-C-b
sông Lô	TV	TT. Đoan Hùng	H. Đoan Hùng			21° 38' 48"	105° 10' 47"	21° 37' 17"	105° 11' 15"	F-48-55-C-b
Xí nghiệp 19-5	KX	TT. Đoan Hùng	H. Đoan Hùng	21° 37' 53"	105° 07' 35"					F-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tượng đài Chiến thắng Sông Lô	KX	TT. Đoan Hùng	H. Đoan Hùng	21° 37' 32"	105° 10' 14"					F-48-55-C-b
cầu Đoan Hùng	KX	TT. Đoan Hùng	H. Đoan Hùng	21° 38' 49"	105° 11' 04"					F-48-55-C-b
đò Đoan Hùng	KX	TT. Đoan Hùng	H. Đoan Hùng	21° 37' 21"	105° 11' 19"					F-48-55-C-d
xóm Cửu Tích	DC	xã Bằng Doãn	H. Đoan Hùng	21° 38' 02"	105° 03' 47"					F-48-55-C-a
xóm Đầm Trầu	DC	xã Bằng Doãn	H. Đoan Hùng	21° 38' 31"	105° 04' 17"					F-48-55-C-a
xóm Làng	DC	xã Bằng Doãn	H. Đoan Hùng	21° 38' 33"	105° 03' 05"					F-48-55-C-a
xóm Mẩn	DC	xã Bằng Doãn	H. Đoan Hùng	21° 37' 19"	105° 04' 17"					F-48-55-C-c
xóm Mấy	DC	xã Bằng Doãn	H. Đoan Hùng	21° 37' 43"	105° 03' 20"					F-48-55-C-a
xóm Nánh	DC	xã Bằng Doãn	H. Đoan Hùng	21° 37' 33"	105° 04' 01"					F-48-55-C-a
núi Ông	SV	xã Bằng Doãn	H. Đoan Hùng	21° 39' 16"	105° 03' 39"					F-48-55-C-a
khu Cây Cam	DC	xã Bằng Luân	H. Đoan Hùng	21° 40' 16"	105° 03' 13"					F-48-55-C-a
thôn Đồng Đam	DC	xã Bằng Luân	H. Đoan Hùng	21° 40' 54"	105° 04' 46"					F-48-55-C-a
khu Đức Quân	DC	xã Bằng Luân	H. Đoan Hùng	21° 40' 42"	105° 04' 01"					F-48-55-C-a
thôn Đức Thái	DC	xã Bằng Luân	H. Đoan Hùng	21° 41' 31"	105° 01' 35"					F-48-55-C-a
khu Hố Tre	DC	xã Bằng Luân	H. Đoan Hùng	21° 40' 24"	105° 02' 44"					F-48-55-C-a
thôn Minh Khai	DC	xã Bằng Luân	H. Đoan Hùng	21° 40' 20"	105° 03' 49"					F-48-55-C-a
thôn Minh Luân	DC	xã Bằng Luân	H. Đoan Hùng	21° 39' 29"	105° 04' 23"					F-48-55-C-a
khu Mươi Thượng	DC	xã Bằng Luân	H. Đoan Hùng	21° 41' 20"	105° 02' 22"					F-48-55-C-a
làng Ngãi	DC	xã Bằng Luân	H. Đoan Hùng	21° 40' 58"	105° 02' 56"					F-48-55-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Nghĩa Quân	DC	xã Bằng Luân	H. Đoan Hùng	21° 40' 51"	105° 03' 46"					F-48-55-C-a
núi Ông	SV	xã Bằng Luân	H. Đoan Hùng	21°39' 16"	105° 03' 39"					F-48-55-C-a
ngòi Đình	TV	xã Bằng Luân	H. Đoan Hùng			21° 41' 27"	105° 02' 22"	21° 41' 02"	105° 04' 24"	F-48-55-C-a
quốc lộ 70	KX	xã Bằng Luân	H. Đoan Hùng			21° 40' 53"	105° 04' 30"	21° 40' 31"	105° 02' 19"	F-48-55-C-a
ngã ba Cát Lem	KX	xã Bằng Luân	H. Đoan Hùng	21° 40' 53"	105° 04' 30"					F-48-55-C-a
đội 19	DC	xã Ca Đình	H. Đoan Hùng	21° 36' 16"	105° 06' 42"					F-48-55-C-c
xóm Đình	DC	xã Ca Đình	H. Đoan Hùng	21° 35' 47"	105° 07' 00"					F-48-55-C-c
xóm Đồng Trang	DC	xã Ca Đình	H. Đoan Hùng	21° 35' 59"	105° 07' 53"					F-48-55-C-d
xóm Đồng Trên	DC	xã Ca Đình	H. Đoan Hùng	21° 35' 33"	105° 08' 17"					F-48-55-C-d
xóm Tranh Ngô	DC	xã Ca Đình	H. Đoan Hùng	21° 35' 05"	105° 07' 07"					F-48-55-C-c
xóm Việt Hùng	DC	xã Ca Đình	H. Đoan Hùng	21° 34' 38"	105° 06' 28"					F-48-55-C-c
xóm Cầu Hai	DC	xã Chân Mộng	H. Đoan Hùng	21° 31' 39"	105° 12' 21"					F-48-55-C-d
xóm Cầu Quyên	DC	xã Chân Mộng	H. Đoan Hùng	21° 32' 15"	105° 12' 03"					F-48-55-C-d
xóm Cây Mý	DC	xã Chân Mộng	H. Đoan Hùng	21° 31' 56"	105° 12' 49"					F-48-55-C-d
xóm Chân Mộng	DC	xã Chân Mộng	H. Đoan Hùng	21° 31' 17"	105° 12' 11"					F-48-55-C-d
xóm Đầm Tiên	DC	xã Chân Mộng	H. Đoan Hùng	21° 32' 13"	105° 12' 43"					F-48-55-C-d
xóm Đồng Già	DC	xã Chân Mộng	H. Đoan Hùng	21° 31' 57"	105° 13' 25"					F-48-55-C-d
xóm Nương Tàng	DC	xã Chân Mộng	H. Đoan Hùng	21° 32' 03"	105° 12' 23"					F-48-55-C-d
xóm Rừng Giang	DC	xã Chân Mộng	H. Đoan Hùng	21° 32' 20"	105° 13' 35"					F-48-55-C-d
xóm Thiên Hương	DC	xã Chân Mộng	H. Đoan Hùng	21° 32' 20"	105° 11' 14"					F-48-55-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đám	DC	xã Chí Đám	H. Đoan Hùng	21° 38' 42"	105° 13' 42"					F-48-55-C-b
thôn Đồng Mầu	DC	xã Chí Đám	H. Đoan Hùng	21° 39' 25"	105° 13' 38"					F-48-55-C-b
thôn Gò Măng	DC	xã Chí Đám	H. Đoan Hùng	21° 38' 58"	105° 12' 14"					F-48-55-C-b
thôn La Hoàng	DC	xã Chí Đám	H. Đoan Hùng	21° 38' 34"	105° 12' 36"					F-48-55-C-b
thôn Ngọc Chúc	DC	xã Chí Đám	H. Đoan Hùng	21° 39' 00"	105° 11' 31"					F-48-55-C-b
thôn Phượng Hùng	DC	xã Chí Đám	H. Đoan Hùng	21° 39' 32"	105° 11' 59"					F-48-55-C-b
thôn Xuân Áng	DC	xã Chí Đám	H. Đoan Hùng	21° 38' 23"	105° 13' 00"					F-48-55-C-b
núi Đám	SV	xã Chí Đám	H. Đoan Hùng	21° 38' 54"	105° 13' 35"					F-48-55-C-b
hồ Đồng Mầu	TV	xã Chí Đám	H. Đoan Hùng	21° 39' 23"	105° 13' 29"					F-48-55-C-b
sông Lô	TV	xã Chí Đám	H. Đoan Hùng			21° 39' 36"	105° 13' 57"	21° 37' 51"	105° 13' 21"	F-48-55-C-b
xóm Liên Phương	DC	xã Đại Nghĩa	H. Đoan Hùng	21° 36' 55"	105° 13' 04"					F-48-55-C-d
xóm Tân Thành	DC	xã Đại Nghĩa	H. Đoan Hùng	21° 37' 16"	105° 11' 48"					F-48-55-C-d
xóm Toàn Thắng	DC	xã Đại Nghĩa	H. Đoan Hùng	21° 37' 18"	105° 12' 34"					F-48-55-C-b
sông Lô	TV	xã Đại Nghĩa	H. Đoan Hùng			21° 37' 26"	105° 11' 16"	21° 35' 57"	105° 13' 24"	F-48-55-C-d
hồ Núi Chùa	TV	xã Đại Nghĩa	H. Đoan Hùng	21° 37' 01"	105° 12' 51"					F-48-55-C-d
làng Đông Dương	DC	xã Đông Khê	H. Đoan Hùng	21° 42' 20"	105° 05' 32"					F-48-55-C-a
làng Han	DC	xã Đông Khê	H. Đoan Hùng	21° 42' 55"	105° 05' 30"					F-48-55-C-a
làng Thượng Khê	DC	xã Đông Khê	H. Đoan Hùng	21° 41' 32"	105° 06' 03"					F-48-55-C-a
ngòi Han	TV	xã Đông Khê	H. Đoan Hùng	21° 43' 13"	105° 06' 00"					F-48-55-C-a
thôn An Thọ	DC	xã Hùng Long	H. Đoan Hùng	21° 36' 01"	105° 12' 03"					F-48-55-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Việt	DC	xã Hùng Long	H. Đoan Hùng	21° 35' 42"	105° 12' 26"					F-48-55-C-d
thôn Đồng Ao	DC	xã Hùng Long	H. Đoan Hùng	21° 35' 19"	105° 13' 20"					F-48-55-C-d
thôn Đồng Bích	DC	xã Hùng Long	H. Đoan Hùng	21° 35' 05"	105° 13' 27"					F-48-55-C-d
thôn Tân Minh	DC	xã Hùng Long	H. Đoan Hùng	21° 35' 28"	105° 12' 58"					F-48-55-C-d
thôn Tân Việt	DC	xã Hùng Long	H. Đoan Hùng	21° 35' 34"	105° 12' 40"					F-48-55-C-d
thôn Tiền Phong	DC	xã Hùng Long	H. Đoan Hùng	21° 35' 47"	105° 13' 43"					F-48-55-C-d
núi Bà Nghi	SV	xã Hùng Long	H. Đoan Hùng	21° 35' 19"	105° 14' 09"					F-48-55-C-d
sông Lô	TV	xã Hùng Long	H. Đoan Hùng			21° 36' 20"	105° 12' 07"	21° 35' 57"	105° 14' 31"	F-48-55-C-d
thôn Cáo Sóc	DC	xã Hùng Quan	H. Đoan Hùng	21° 40' 11"	105° 08' 46"					F-48-55-C-b
thôn Đồng Tiệm	DC	xã Hùng Quan	H. Đoan Hùng	21° 39' 56"	105° 09' 54"					F-48-55-C-b
xóm Gò Thọ	DC	xã Hùng Quan	H. Đoan Hùng	21° 41' 06"	105° 10' 32"					F-48-55-C-b
xóm Hồ	DC	xã Hùng Quan	H. Đoan Hùng	21° 41' 15"	105° 09' 09"					F-48-55-C-b
thôn Hùng Quan	DC	xã Hùng Quan	H. Đoan Hùng	21° 40' 19"	105° 09' 21"					F-48-55-C-b
thôn Song Phương 1	DC	xã Hùng Quan	H. Đoan Hùng	21° 41' 03"	105° 09' 42"					F-48-55-C-b
thôn Song Phương 2	DC	xã Hùng Quan	H. Đoan Hùng	21° 41' 00"	105° 10' 10"					F-48-55-C-b
thôn Tân Lập	DC	xã Hùng Quan	H. Đoan Hùng	21° 41' 35"	105° 08' 32"					F-48-55-C-b
thôn Vĩnh Lại	DC	xã Hùng Quan	H. Đoan Hùng	21° 40' 40"	105° 08' 44"					F-48-55-C-b
gò Ngựa Lồng	SV	xã Hùng Quan	H. Đoan Hùng	21° 41' 14"	105° 09' 47"					F-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Chảy	TV	xã Hùng Quan	H. Đoan Hùng			21° 40' 53"	105° 08' 00"	21° 39' 55"	105° 09' 58"	F-48-55-C-b
ngòi Sống	TV	xã Hùng Quan	H. Đoan Hùng			21° 41' 13"	105° 09' 18"	21° 40' 03"	105° 09' 05"	F-48-55-C-b
thôn 1	DC	xã Hữu Đô	H. Đoan Hùng	21° 37' 28"	105° 13' 24"					F-48-55-C-b
thôn 2	DC	xã Hữu Đô	H. Đoan Hùng	21° 37' 56"	105° 12' 42"					F-48-55-C-b
thôn 5	DC	xã Hữu Đô	H. Đoan Hùng	21° 38' 21"	105° 11' 44"					F-48-55-C-b
thôn 7	DC	xã Hữu Đô	H. Đoan Hùng	21° 38' 12"	105° 11' 26"					F-48-55-C-b
thôn 8	DC	xã Hữu Đô	H. Đoan Hùng	21° 37' 46"	105° 11' 15"					F-48-55-C-b
sông Lô	TV	xã Hữu Đô	H. Đoan Hùng			21° 37' 51"	105° 13' 21"	21° 37' 26"	105° 11' 16"	F-48-55-C-b
thôn 1	DC	xã Minh Lương	H. Đoan Hùng	21° 38' 20"	105° 02' 22"					F-48-55-C-a
thôn 3	DC	xã Minh Lương	H. Đoan Hùng	21° 38' 57"	105° 01' 27"					F-48-55-C-a
thôn 4	DC	xã Minh Lương	H. Đoan Hùng	21° 39' 00"	105° 01' 17"					F-48-55-C-a
thôn 5	DC	xã Minh Lương	H. Đoan Hùng	21° 39' 33"	105° 01' 13"					F-48-55-C-a
thôn 8	DC	xã Minh Lương	H. Đoan Hùng	21° 40' 17"	105° 02' 04"					F-48-55-C-a
ngòi Cái	TV	xã Minh Lương	H. Đoan Hùng			21° 39' 43"	105° 01' 23"	21° 38' 39"	105° 00' 53"	F-48-55-C-a
đường tỉnh 319B	KX	xã Minh Lương	H. Đoan Hùng			21° 40' 22"	105° 01' 56"	21° 37' 50"	105° 02' 37"	F-48-55-C-a
Bãi Bằng	DC	xã Minh Phú	H. Đoan Hùng	21° 33' 04"	105° 15' 00"					F-48-55-D-c
Bờ Giềng	DC	xã Minh Phú	H. Đoan Hùng	21° 32' 06"	105° 14' 38"					F-48-55-C-d
Cầu Xi	DC	xã Minh Phú	H. Đoan Hùng	21° 31' 23"	105° 14' 16"					F-48-55-C-d
Đồng Nương	DC	xã Minh Phú	H. Đoan Hùng	21° 31' 41"	105° 14' 34"					F-48-55-C-d
xóm Làng	DC	xã Minh Phú	H. Đoan Hùng	21° 31' 00"	105° 13' 29"					F-48-55-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Làng Bắc	DC	xã Minh Phú	H. Đoan Hùng	21° 31' 36"	105° 13' 54"					F-48-55-C-d
xóm Mả Vương	DC	xã Minh Phú	H. Đoan Hùng	21° 32' 16"	105° 13' 53"					F-48-55-C-d
xóm Múc	DC	xã Minh Phú	H. Đoan Hùng	21° 31' 53"	105° 13' 53"					F-48-55-C-d
xóm Tiên Ả	DC	xã Minh Phú	H. Đoan Hùng	21° 32' 49"	105° 14' 16"					F-48-55-C-d
Tiêu Châu	DC	xã Minh Phú	H. Đoan Hùng	21° 31' 58"	105° 14' 23"					F-48-55-C-d
Trại Mới	DC	xã Minh Phú	H. Đoan Hùng	21° 31' 27"	105° 13' 21"					F-48-55-C-d
Xuân Ai	DC	xã Minh Phú	H. Đoan Hùng	21° 31' 11"	105° 13' 41"					F-48-55-C-d
thôn 1	DC	xã Minh Tiến	H. Đoan Hùng	21° 33' 26"	105° 09' 12"					F-48-55-C-d
thôn 2	DC	xã Minh Tiến	H. Đoan Hùng	21° 33' 05"	105° 09' 46"					F-48-55-C-d
thôn 3	DC	xã Minh Tiến	H. Đoan Hùng	21° 32' 46"	105° 09' 25"					F-48-55-C-d
thôn 4	DC	xã Minh Tiến	H. Đoan Hùng	21° 33' 01"	105° 09' 04"					F-48-55-C-d
thôn 5	DC	xã Minh Tiến	H. Đoan Hùng	21° 32' 38"	105° 10' 04"					F-48-55-C-d
thôn 6	DC	xã Minh Tiến	H. Đoan Hùng	21° 32' 49"	105° 10' 06"					F-48-55-C-d
thôn 7	DC	xã Minh Tiến	H. Đoan Hùng	21° 32' 50"	105° 10' 32"					F-48-55-C-d
thôn 8	DC	xã Minh Tiến	H. Đoan Hùng	21° 32' 44"	105° 10' 51"					F-48-55-C-d
thôn 9	DC	xã Minh Tiến	H. Đoan Hùng	21° 32' 26"	105° 10' 50"					F-48-55-C-d
thôn 10	DC	xã Minh Tiến	H. Đoan Hùng	21° 32' 32"	105° 11' 18"					F-48-55-C-d
thôn 1	DC	xã Nghinh Xuyên	H. Đoan Hùng	21° 40' 50"	105° 06' 05"					F-48-55-C-a
xóm Lạp Xuyên	DC	xã Nghinh Xuyên	H. Đoan Hùng	21° 40' 45"	105° 07' 21"					F-48-55-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Minh Giang	DC	xã Nghinh Xuyên	H. Đoan Hùng	21° 42' 07"	105° 06' 58"					F-48-55-C-a
xóm Nghinh Lạp	DC	xã Nghinh Xuyên	H. Đoan Hùng	21° 40' 25"	105° 06' 34"					F-48-55-C-a
núi Thần	SV	xã Nghinh Xuyên	H. Đoan Hùng	21° 42' 18"	105° 07' 00"					F-48-55-C-a
sông Chảy	TV	xã Nghinh Xuyên	H. Đoan Hùng			21° 41' 10"	105° 05' 53"	21° 40' 53"	105° 08' 00"	F-48-55-C-a
làng Cả	DC	xã Ngọc Quan	H. Đoan Hùng	21° 36' 18"	105° 08' 59"					F-48-55-C-d
làng Ngọc Lâm	DC	xã Ngọc Quan	H. Đoan Hùng	21° 37' 16"	105° 08' 26"					F-48-55-C-d
làng Ngọc Sơn	DC	xã Ngọc Quan	H. Đoan Hùng	21° 37' 38"	105° 09' 13"					F-48-55-C-d
làng Ngọc Tân	DC	xã Ngọc Quan	H. Đoan Hùng	21° 36' 56"	105° 09' 00"					F-48-55-C-d
làng Thao	DC	xã Ngọc Quan	H. Đoan Hùng	21° 36' 59"	105° 09' 46"					F-48-55-C-d
làng Việt Tiến	DC	xã Ngọc Quan	H. Đoan Hùng	21° 36' 31"	105° 09' 47"					F-48-55-C-d
núi Đẫu	SV	xã Ngọc Quan	H. Đoan Hùng	21° 36' 13"	105° 08' 26"					F-48-55-C-d
quốc lộ 70	KX	xã Ngọc Quan	H. Đoan Hùng			21° 37' 39"	105° 08' 26"	21° 37' 22"	105° 10' 07"	F-48-55-C-d
xóm Cẩn Độ	DC	xã Phong Phú	H. Đoan Hùng	21° 38' 33"	105° 10' 26"					F-48-55-C-b
xóm Đồng Vầu	DC	xã Phong Phú	H. Đoan Hùng	21° 38' 38"	105° 08' 57"					F-48-55-C-b
xóm Tây Mỗ	DC	xã Phong Phú	H. Đoan Hùng	21° 39' 18"	105° 09' 46"					F-48-55-C-b
xóm Văn Phú	DC	xã Phong Phú	H. Đoan Hùng	21° 38' 59"	105° 09' 29"					F-48-55-C-b
sông Chảy	TV	xã Phong Phú	H. Đoan Hùng			21° 39' 55"	105° 09' 24"	21° 38' 52"	105° 10' 47"	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đội 5	DC	xã Phú Thứ	H. Đoan Hùng	21° 36' 13"	105° 14' 34"					F-48-55-C-d
xóm Cây Kè	DC	xã Phú Thứ	H. Đoan Hùng	21° 36' 42"	105° 14' 24"					F-48-55-C-d
xóm Cung Kiến	DC	xã Phú Thứ	H. Đoan Hùng	21° 36' 05"	105° 14' 12"					F-48-55-C-d
xóm Dân Thắng	DC	xã Phú Thứ	H. Đoan Hùng	21° 36' 26"	105° 14' 37"					F-48-55-C-d
xóm Dộc Khoáng	DC	xã Phú Thứ	H. Đoan Hùng	21° 36' 17"	105° 14' 09"					F-48-55-C-d
xóm Dộc Móc	DC	xã Phú Thứ	H. Đoan Hùng	21° 36' 52"	105° 13' 45"					F-48-55-C-d
xóm Đồng Chiêm	DC	xã Phú Thứ	H. Đoan Hùng	21° 36' 14"	105° 13' 51"					F-48-55-C-d
xóm Hang Táng	DC	xã Phú Thứ	H. Đoan Hùng	21° 36' 31"	105° 13' 48"					F-48-55-C-d
xóm Tiền Phong	DC	xã Phú Thứ	H. Đoan Hùng	21° 36' 23"	105° 13' 24"					F-48-55-C-d
xóm Kè	DC	xã Phúc Lai	H. Đoan Hùng	21° 37' 35"	105° 06' 20"					F-48-55-C-a
xóm Liêm	DC	xã Phúc Lai	H. Đoan Hùng	21° 36' 13"	105° 05' 30"					F-48-55-C-c
xóm Múc	DC	xã Phúc Lai	H. Đoan Hùng	21° 37' 22"	105° 05' 23"					F-48-55-C-c
xóm Quê	DC	xã Phúc Lai	H. Đoan Hùng	21° 37' 52"	105° 05' 13"					F-48-55-C-a
đường tỉnh 319B	KX	xã Phúc Lai	H. Đoan Hùng			21° 38' 02"	105° 04' 24"	21° 37' 34"	105° 06' 55"	F-48-55-C-a
cầu Mụa	KX	xã Phúc Lai	H. Đoan Hùng	21° 37' 50"	105° 05' 29"					F-48-55-C-a
cầu Quê	KX	xã Phúc Lai	H. Đoan Hùng	21° 37' 54"	105° 04' 48"					F-48-55-C-a
thôn Bằng Tường	DC	xã Phương Trung	H. Đoan Hùng	21° 39' 35"	105° 08' 49"					F-48-55-C-b
thôn Duỗn Chung	DC	xã Phương Trung	H. Đoan Hùng	21° 40' 09"	105° 07' 05"					F-48-55-C-a
thôn Nhuế	DC	xã Phương Trung	H. Đoan Hùng	21° 40' 18"	105° 07' 54"					F-48-55-C-b
sông Chảy	TV	xã Phương Trung	H. Đoan Hùng			21° 40' 09"	105° 06' 23"	21° 39' 55"	105° 09' 22"	F-48-55-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cát Lâm	DC	xã Quế Lâm	H. Đoan Hùng	21° 39' 54"	105° 05' 08"					F-48-55-C-a
thôn Chợ Ngà	DC	xã Quế Lâm	H. Đoan Hùng	21° 40' 37"	105° 05' 40"					F-48-55-C-a
thôn Thuật Cổ	DC	xã Quế Lâm	H. Đoan Hùng	21° 40' 19"	105° 06' 00"					F-48-55-C-a
thôn Việt Hùng	DC	xã Quế Lâm	H. Đoan Hùng	21° 38' 46"	105° 05' 06"					F-48-55-C-a
quốc lộ 70	KX	xã Quế Lâm	H. Đoan Hùng			21° 40' 34"	105° 04' 45"	21° 38' 10"	105° 06' 40"	F-48-55-C-a
thôn 1	DC	xã Sóc Đăng	H. Đoan Hùng	21° 36' 01"	105° 10' 55"					F-48-55-C-d
thôn 2	DC	xã Sóc Đăng	H. Đoan Hùng	21° 36' 35"	105° 10' 44"					F-48-55-C-d
thôn 4	DC	xã Sóc Đăng	H. Đoan Hùng	21° 36' 05"	105° 11' 41"					F-48-55-C-d
thôn 5	DC	xã Sóc Đăng	H. Đoan Hùng	21° 36' 45"	105° 11' 20"					F-48-55-C-d
thôn 6	DC	xã Sóc Đăng	H. Đoan Hùng	21° 36' 28"	105° 10' 18"					F-48-55-C-d
thôn 9	DC	xã Sóc Đăng	H. Đoan Hùng	21° 37' 05"	105° 11' 05"					F-48-55-C-d
ngòi Tế	TV	xã Sóc Đăng	H. Đoan Hùng			21° 36' 43"	105° 10' 33"	21° 37' 20"	105° 11' 04"	F-48-55-C-d
quốc lộ 2	KX	xã Sóc Đăng	H. Đoan Hùng			21° 35' 50"	105° 11' 03"	21° 37' 11"	105° 11' 06"	F-48-55-C-d
xóm Đá Giải	DC	xã Tây Cốc	H. Đoan Hùng	21° 39' 12"	105° 07' 10"					F-48-55-C-a
xóm Đồng Bèo	DC	xã Tây Cốc	H. Đoan Hùng	21° 38' 47"	105° 07' 34"					F-48-55-C-b
xóm Đồng Trũ	DC	xã Tây Cốc	H. Đoan Hùng	21° 37' 34"	105° 07' 17"					F-48-55-C-a
xóm Phúc Đình	DC	xã Tây Cốc	H. Đoan Hùng	21° 38' 00"	105° 07' 54"					F-48-55-C-b
xóm Phúc Khuê	DC	xã Tây Cốc	H. Đoan Hùng	21° 38' 21"	105° 08' 22"					F-48-55-C-b
xóm Tân Long	DC	xã Tây Cốc	H. Đoan Hùng	21° 36' 58"	105° 07' 14"					F-48-55-C-c
núi Cả	SV	xã Tây Cốc	H. Đoan Hùng	21° 38' 35"	105° 08' 16"					F-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 70	KX	xã Tây Cốc	H. Đoan Hùng			21° 38' 00"	105° 06' 58"	21° 37' 39"	105° 08' 26"	F-48-55-C-b
Công ty Chè Phú Bền	KX	xã Tây Cốc	H. Đoan Hùng	20° 56' 34"	105° 20' 14"					F-48-55-C-b
cầu Tây Cốc	KX	xã Tây Cốc	H. Đoan Hùng	21° 38' 01"	105° 07' 51"					F-48-55-C-b
xóm Bài Lang	DC	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 33' 18"	105° 11' 37"					F-48-55-C-d
xóm Bãi Thớ	DC	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 33' 20"	105° 10' 00"					F-48-55-C-d
xóm Cây Gia	DC	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 34' 10"	105° 09' 58"					F-48-55-C-d
xóm Cộng Hòa	DC	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 34' 36"	105° 11' 13"					F-48-55-C-d
xóm Cựu Gà	DC	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 34' 13"	105° 10' 26"					F-48-55-C-d
xóm Đầm Vàng	DC	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 33' 37"	105° 10' 41"					F-48-55-C-d
xóm Đình	DC	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 33' 54"	105° 10' 07"					F-48-55-C-d
xóm Độc Lập	DC	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 33' 49"	105° 11' 41"					F-48-55-C-d
xóm Đồn	DC	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 33' 39"	105° 10' 12"					F-48-55-C-d
xóm Giữa	DC	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 34' 01"	105° 10' 26"					F-48-55-C-d
xóm Lán Gỗ	DC	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 34' 04"	105° 10' 46"					F-48-55-C-d
xóm Làng Mòng	DC	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 34' 36"	105° 10' 59"					F-48-55-C-d
xóm Liên Đồn	DC	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 33' 36"	105° 09' 51"					F-48-55-C-d
xóm Liên Thịnh	DC	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 33' 24"	105° 10' 28"					F-48-55-C-d
xóm Mới	DC	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 34' 39"	105° 10' 33"					F-48-55-C-d
xóm Nhà Xa	DC	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 34' 05"	105° 11' 40"					F-48-55-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tân Lập	DC	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 33' 45"	105° 09' 35"					F-48-55-C-d
xóm Tân Sơn	DC	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 34' 13"	105° 09' 37"					F-48-55-C-d
khu Thôn Hái	DC	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 34' 28"	105° 10' 21"					F-48-55-C-d
khu Vân Mộng	DC	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 33' 40"	105° 11' 25"					F-48-55-C-d
núi Nghè	SV	xã Tiêu Sơn	H. Đoan Hùng	21° 33' 16"	105° 10' 54"					F-48-55-C-d
thôn Bảo Hựu	DC	xã Vân Đồn	H. Đoan Hùng	21° 34' 30"	105° 12' 17"					F-48-55-C-d
thôn Châm Nhị	DC	xã Vân Đồn	H. Đoan Hùng	21° 33' 08"	105° 12' 38"					F-48-55-C-d
thôn Đồng Ý	DC	xã Vân Đồn	H. Đoan Hùng	21° 35' 27"	105° 11' 49"					F-48-55-C-d
thôn Khả Lang	DC	xã Vân Đồn	H. Đoan Hùng	21° 33' 59"	105° 13' 31"					F-48-55-C-d
thôn Kim Long	DC	xã Vân Đồn	H. Đoan Hùng	21° 33' 39"	105° 12' 04"					F-48-55-C-d
xóm Làng	DC	xã Vân Đồn	H. Đoan Hùng	21° 33' 56"	105° 12' 02"					F-48-55-C-d
thôn Phú Lương	DC	xã Vân Đồn	H. Đoan Hùng	21° 34' 13"	105° 12' 57"					F-48-55-C-d
thôn Vân Cốc	DC	xã Vân Đồn	H. Đoan Hùng	21° 34' 36"	105° 12' 52"					F-48-55-C-d
núi Thái Xương	SV	xã Vân Đồn	H. Đoan Hùng	21° 34' 41"	105° 13' 39"					F-48-55-C-d
xóm Chùa	DC	xã Vân Du	H. Đoan Hùng	21° 39' 51"	105° 10' 14"					F-48-55-C-b
xóm Miếu Phú	DC	xã Vân Du	H. Đoan Hùng	21° 40' 08"	105° 11' 09"					F-48-55-C-b
xóm Nam Đẩu	DC	xã Vân Du	H. Đoan Hùng	21° 39' 55"	105° 10' 50"					F-48-55-C-b
xóm Rạng Đông	DC	xã Vân Du	H. Đoan Hùng	21° 40' 00"	105° 10' 29"					F-48-55-C-b
xóm Tân Binh	DC	xã Vân Du	H. Đoan Hùng	21° 39' 52"	105° 11' 17"					F-48-55-C-b
xóm Thành Lập	DC	xã Vân Du	H. Đoan Hùng	21° 40' 07"	105° 10' 42"					F-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Trại Vân	DC	xã Vân Du	H. Đoan Hùng	21° 40' 32"	105° 11' 09"					F-48-55-C-b
sông Chảy	TV	xã Vân Du	H. Đoan Hùng			21° 39' 35"	105° 09' 58"	21° 38' 44"	105° 11' 12"	F-48-55-C-b
đường tỉnh 322	KX	xã Vân Du	H. Đoan Hùng			21° 38' 55"	105° 11' 10"	21° 39' 40"	105° 09' 58"	F-48-55-C-b
cầu Đoan Hùng	KX	xã Vân Du	H. Đoan Hùng	21° 38' 49"	105° 11' 04"					F-48-55-C-b
xóm An Đạo	DC	xã Vụ Quang	H. Đoan Hùng	21° 34' 40"	105° 14' 27"					F-48-55-C-d
xóm Bờ Sông	DC	xã Vụ Quang	H. Đoan Hùng	21° 33' 24"	105° 16' 01"					F-48-55-D-c
xóm Chợ	DC	xã Vụ Quang	H. Đoan Hùng	21° 32' 27"	105° 15' 19"					F-48-55-D-c
xóm Đình	DC	xã Vụ Quang	H. Đoan Hùng	21° 34' 04"	105° 15' 29"					F-48-55-D-c
xóm Giữa	DC	xã Vụ Quang	H. Đoan Hùng	21° 32' 27"	105° 15' 48"					F-48-55-D-c
xóm Gò Mộ	DC	xã Vụ Quang	H. Đoan Hùng	21° 33' 44"	105° 15' 51"					F-48-55-D-c
xóm Lục	DC	xã Vụ Quang	H. Đoan Hùng	21° 32' 06"	105° 15' 35"					F-48-55-D-c
xóm Miếu	DC	xã Vụ Quang	H. Đoan Hùng	21° 34' 20"	105° 14' 50"					F-48-55-C-d
xóm Vân Sơn	DC	xã Vụ Quang	H. Đoan Hùng	21° 34' 18"	105° 14' 16"					F-48-55-C-d
núi Bắc Mây	SV	xã Vụ Quang	H. Đoan Hùng	21° 34' 10"	105° 14' 57"					F-48-55-D-c
núi Chùa	SV	xã Vụ Quang	H. Đoan Hùng	21° 34' 48"	105° 14' 45"					F-48-55-C-d
núi Măng Tanh	SV	xã Vụ Quang	H. Đoan Hùng	21° 34' 53"	105° 13' 51"					F-48-55-C-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Yên Kiện	H. Đoan Hùng	21° 35' 26"	105° 10' 06"					F-48-55-C-d
thôn Hòa Bình	DC	xã Yên Kiện	H. Đoan Hùng	21° 34' 57"	105° 09' 20"					F-48-55-C-d
xóm Mản	DC	xã Yên Kiện	H. Đoan Hùng	21° 35' 10"	105° 08' 42"					F-48-55-C-d
thôn Tập Đoàn	DC	xã Yên Kiện	H. Đoan Hùng	21° 35' 16"	105° 10' 34"					F-48-55-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tứ Quận	DC	xã Yên Kiện	H. Đoan Hùng	21° 35' 42"	105° 11' 07"					F-48-55-C-d
thôn Xây Dựng	DC	xã Yên Kiện	H. Đoan Hùng	21° 35' 18"	105° 09' 19"					F-48-55-C-d
thôn Yên Lạc	DC	xã Yên Kiện	H. Đoan Hùng	21° 35' 23"	105° 10' 56"					F-48-55-C-d
núi Ba Huyện	SV	xã Yên Kiện	H. Đoan Hùng	21° 34' 37"	105° 08' 38"					F-48-55-C-d
đập Đá Đen	KX	xã Yên Kiện	H. Đoan Hùng	21° 34' 36"	105° 09' 26"					F-48-55-C-d
khu 1	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 33' 55"	105° 00' 09"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 34' 03"	105° 00' 09"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 33' 50"	105° 00' 50"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 33' 09"	105° 00' 28"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 33' 59"	105° 00' 51"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 34' 32"	105° 01' 11"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 34' 02"	105° 01' 06"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 33' 34"	105° 00' 09"					F-48-55-C-c
khu 9	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 34' 13"	105° 00' 28"					F-48-55-C-c
khu 10	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 33' 41"	105° 00' 18"					F-48-55-C-c
khu 11	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 34' 09"	105° 00' 41"					F-48-55-C-c
Ngòi Con	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 34' 35"	104° 59' 48"					F-48-55-C-c
đầm Ao Châu	TV	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 34' 30"	105° 00' 52"					F-48-55-C-c
phà Ấm Thượng	KX	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 34' 24"	104° 59' 331"					F-48-54-D-d
ga Ấm Thượng	KX	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 33' 03"	105° 00' 12"					F-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 1	DC	xã Ấm Hạ	H. Hạ Hòa	21° 35' 42"	105° 01' 14"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Ấm Hạ	H. Hạ Hòa	21° 35' 14"	105° 01' 55"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Ấm Hạ	H. Hạ Hòa	21° 34' 34"	105° 01' 42"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Ấm Hạ	H. Hạ Hòa	21° 34' 54"	105° 02' 21"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Ấm Hạ	H. Hạ Hòa	21° 35' 08"	105° 02' 24"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Ấm Hạ	H. Hạ Hòa	21° 35' 44"	105° 02' 17"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Ấm Hạ	H. Hạ Hòa	21° 35' 25"	105° 03' 03"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Ấm Hạ	H. Hạ Hòa	21° 35' 07"	105° 02' 46"					F-48-55-C-c
khu 9	DC	xã Ấm Hạ	H. Hạ Hòa	21° 34' 46"	105° 03' 15"					F-48-55-C-c
núi Buộm	SV	xã Ấm Hạ	H. Hạ Hòa	21° 34' 09"	105° 02' 28"					F-48-55-C-c
đường tỉnh 314	KX	xã Ấm Hạ	H. Hạ Hòa			21° 36' 07"	105° 02' 03"	21° 34' 48"	105° 03' 28"	F-48-55-C-c
đường tỉnh 314E	KX	xã Ấm Hạ	H. Hạ Hòa			21° 34' 41"	105° 01' 21"	21° 35' 19"	105° 02' 43"	F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 32' 00"	104° 59' 18"					F-48-54-D-d
khu 2	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 32' 05"	104° 59' 32"					F-48-54-D-d
khu 3	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 31' 47"	104° 59' 33"					F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 32' 12"	104° 59' 48"					F-48-54-D-d
khu 6	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 32' 25"	104° 59' 42"					F-48-54-D-d
khu 7	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 32' 39"	105° 00' 11"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 32' 46"	105° 00' 23"					F-48-55-C-c
khu 9	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 32' 52"	104° 59' 52"					F-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 10	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 33' 05"	104° 59' 37"					F-48-54-D-d
khu 11	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 33' 11"	104° 59' 29"					F-48-54-D-d
khu 12	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 32' 47"	104° 59' 16"					F-48-54-D-d
núi Đồn Tây	SV	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 31' 21"	104° 59' 15"					F-48-55-C-b
đầm Chiêm	TV	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 32' 59	104° 59' 20"					F-48-54-D-d
ngòi Lao	TV	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa			21° 32' 08"	104° 59' 04"	21° 32' 51"	105° 00' 21"	F-48-54-D-d
đầm Mùn	TV	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 31' 48"	104° 59' 19"					F-48-54-D-d
cầu Ngòi Lao	KX	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 32' 51"	105° 00' 17"					F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Cáo Điền	H. Hạ Hòa	21° 34' 53"	105° 05' 35"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Cáo Điền	H. Hạ Hòa	21° 34' 11"	105° 05' 33"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Cáo Điền	H. Hạ Hòa	21° 34' 05"	105° 05' 59"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Cáo Điền	H. Hạ Hòa	21° 33' 34"	105° 05' 50"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Cáo Điền	H. Hạ Hòa	21° 33' 42"	105° 05' 30"					F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Chính Công	H. Hạ Hòa	21° 31' 26"	105° 04' 03"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Chính Công	H. Hạ Hòa	21° 31' 24"	105° 04' 21"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Chính Công	H. Hạ Hòa	21° 31' 16"	105° 04' 30"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Chính Công	H. Hạ Hòa	21° 31' 54"	105° 04' 44"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Chính Công	H. Hạ Hòa	21° 31' 39"	105° 04' 39"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Chính Công	H. Hạ Hòa	21° 31' 16"	105° 04' 55"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Chính Công	H. Hạ Hòa	21° 31' 11"	105° 05' 13"					F-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đầm Chính Công	TV	xã Chính Công	H. Hạ Hòa	21° 30' 55	105° 04' 46"					F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 34' 12"	104° 58' 22"					F-48-54-D-d
khu 2	DC	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 34' 21"	104° 58' 39"					F-48-54-D-d
khu 3	DC	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 34' 29"	104° 58' 58"					F-48-54-D-d
khu 4	DC	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 33' 54"	104° 59' 04"					F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 33' 43"	104° 58' 42"					F-48-54-D-d
khu 7	DC	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 33' 28"	104° 59' 34"					F-48-54-D-d
khu 8	DC	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 33' 37"	104° 59' 31"					F-48-54-D-d
khu 9	DC	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 33' 53"	104° 59' 42"					F-48-54-D-d
núi Ông	SV	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 33' 01"	104° 57' 59"					F-48-55-C-b
đầm Cây Xi	TV	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 33' 54"	104° 57' 59"					F-48-54-D-d
hồ Láng Thượng	TV	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 33' 57"	104° 58' 57"					F-48-54-D-d
quốc lộ 32C	KX	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa			21° 34' 25"	104° 58' 21"	21° 33' 20"	104° 59' 50"	F-48-54-D-d
cầu Lường	KX	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 34' 25"	104° 58' 20"					F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa	21° 39' 21"	104° 58' 34"					F-48-54-D-b
khu 2	DC	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa	21° 38' 48"	104° 58' 23"					F-48-54-D-b
khu 4	DC	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa	21° 39' 21"	104° 59' 18"					F-48-54-D-b
khu 6	DC	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa	21° 39' 46"	104° 59' 22"					F-48-54-D-b
khu 7	DC	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa	21° 39' 12"	105° 00' 03"					F-48-55-C-a
khu 8	DC	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa	21° 39' 23"	105° 00' 38"					F-48-55-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 9	DC	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa	21° 39' 42"	105° 00' 08"					F-48-55-C-a
khu 10	DC	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa	21° 39' 57"	104° 59' 59"					F-48-55-C-a
khu 11	DC	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa	21° 40' 36"	105° 00' 16"					F-48-55-C-a
khu 17	DC	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa	21° 41' 00"	105° 00' 32"					F-48-55-C-a
ngòi Cái	TV	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa			21° 39' 10	104° 59' 33"	21° 39' 29	104° 58' 28"	F-48-54-D-b
đường tỉnh 314	KX	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa			21° 40' 45"	105° 00' 39"	21° 38' 58"	105° 00' 22"	F-48-55-C-a
khu 1	DC	xã Đan Hà	H. Hạ Hòa	21° 37' 49"	104° 56' 15"					F-48-54-D-b
khu 2	DC	xã Đan Hà	H. Hạ Hòa	21° 37' 57"	104° 55' 51"					F-48-54-D-b
khu 5	DC	xã Đan Hà	H. Hạ Hòa	21° 38' 08"	104° 56' 46"					F-48-54-D-b
khu 7	DC	xã Đan Hà	H. Hạ Hòa	21° 37' 39"	104° 56' 38"					
đập Đồng Phai	KX	xã Đan Hà	H. Hạ Hòa	21° 38' 22"	104° 56' 49"					F-48-54-D-b
khu 1	DC	xã Đan Thượng	H. Hạ Hòa	21° 37' 17"	104° 57' 02"					F-48-54-D-d
khu 2	DC	xã Đan Thượng	H. Hạ Hòa	21° 37' 12"	104° 56' 26"					F-48-54-D-d
khu 3	DC	xã Đan Thượng	H. Hạ Hòa	21° 37' 31"	104° 56' 11"					F-48-54-D-d
khu 4	DC	xã Đan Thượng	H. Hạ Hòa	21° 37' 35"	104° 55' 50"					F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Đan Thượng	H. Hạ Hòa	21° 37' 20"	104° 55' 25"					F-48-54-D-d
đường tỉnh 320	KX	xã Đan Thượng	H. Hạ Hòa			21° 37' 42"	104° 56' 19"	21° 36' 57"	104° 57' 06"	F-48-54-D-d
ga Đoan Thượng	KX	xã Đan Thượng	H. Hạ Hòa	21° 37' 14"	104° 56' 54"					F-48-54-D-d
đền Thượng	KX	xã Đan Thượng	H. Hạ Hòa	21° 38' 36"	105° 11' 14"					F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Động Lâm	H. Hạ Hòa	21° 36' 38"	104° 56' 48"					F-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 2	DC	xã Động Lâm	H. Hạ Hòa	21° 36' 48"	104° 56' 16"					F-48-54-D-d
khu 3	DC	xã Động Lâm	H. Hạ Hòa	21° 36' 54"	104° 55' 41"					F-48-54-D-d
khu 4	DC	xã Động Lâm	H. Hạ Hòa	21° 36' 48"	104° 55' 24"					F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Động Lâm	H. Hạ Hòa	21° 36' 21"	104° 55' 36"					F-48-54-D-d
khu 7	DC	xã Động Lâm	H. Hạ Hòa	21° 35' 33"	104° 55' 55"					F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Gia Điền	H. Hạ Hòa	21° 36' 20"	105° 03' 54"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Gia Điền	H. Hạ Hòa	21° 36' 46"	105° 03' 37"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Gia Điền	H. Hạ Hòa	21° 36' 23"	105° 03' 16"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Gia Điền	H. Hạ Hòa	21° 35' 57"	105° 03' 22"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Gia Điền	H. Hạ Hòa	21° 36' 04"	105° 02' 14"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Gia Điền	H. Hạ Hòa	21° 36' 22"	105° 02' 14"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Gia Điền	H. Hạ Hòa	21° 36' 07"	105° 01' 47"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Gia Điền	H. Hạ Hòa	21° 36' 32"	105° 01' 31"					F-48-55-C-c
khu 9	DC	xã Gia Điền	H. Hạ Hòa	21° 37' 10"	105° 02' 06"					F-48-55-C-c
khu 10	DC	xã Gia Điền	H. Hạ Hòa	21° 37' 04"	105° 01' 36"					F-48-55-C-c
đường tỉnh 314	KX	xã Gia Điền	H. Hạ Hòa			21° 37' 08"	105° 01' 31"	21° 36' 07"	105° 02' 03"	F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa	21° 37' 10"	105° 00' 56"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa	21° 37' 37"	105° 00' 44"					F-48-55-C-a
khu 3	DC	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa	21° 37' 22"	105° 01' 23"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa	21° 37' 37"	105° 01' 03"					F-48-55-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 5	DC	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa	21° 38' 11"	105° 01' 13"					F-48-55-C-a
khu 6	DC	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa	21° 38' 31"	105° 00' 54"					F-48-55-C-a
khu 7	DC	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa	21° 38' 43"	105° 00' 25"					F-48-55-C-a
khu 8	DC	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa	21° 38' 34"	104° 59' 54"					F-48-54-D-b
khu 9	DC	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa	21° 38' 12"	105° 00' 17"					F-48-55-C-a
đường tỉnh 314	KX	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa			21° 38' 58"	105° 00' 22"	21° 37' 08"	105° 01' 31"	F-48-55-C-c
cầu Hà Lương	KX	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa	21° 38' 45"	105° 00' 27"					F-48-55-C-a
khu 4	DC	xã Hậu Bổng	H. Hạ Hòa	21° 38' 36"	104° 56' 18"					F-48-54-D-b
khu 6	DC	xã Hậu Bổng	H. Hạ Hòa	21° 38' 10"	104° 55' 39"					F-48-54-D-b
khu 7	DC	xã Hậu Bổng	H. Hạ Hòa	21° 38' 14"	104° 55' 03"					F-48-54-D-b
sông Hồng	TV	xã Hậu Bổng	H. Hạ Hòa			21° 39' 08"	104° 56' 12"	21° 38' 14	104° 54' 39"	F-48-54-D-b
khu 2	DC	xã Hiền Lương	H. Hạ Hòa	21° 36' 14"	104° 54' 38"					F-48-54-D-d
khu 3	DC	xã Hiền Lương	H. Hạ Hòa	21° 36' 36"	104° 54' 42"					F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Hiền Lương	H. Hạ Hòa	21° 36' 39"	104° 55' 12"					F-48-54-D-d
khu 7	DC	xã Hiền Lương	H. Hạ Hòa	21° 36' 48"	104° 54' 17"					F-48-54-D-d
đầm Vân Hội	TV	xã Hiền Lương	H. Hạ Hòa	21° 35' 54"	104° 53' 41"					F-48-54-D-d
quốc lộ 32C	KX	xã Hiền Lương	H. Hạ Hòa			21° 36' 37"	104° 54' 11"	21° 36' 33"	104° 55' 07"	F-48-54-D-d
đền Mẫu Âu Cơ	KX	xã Hiền Lương	H. Hạ Hòa	21° 36' 18"	104° 54' 45"					F-48-54-D-d
cầu Ngòi Vần	KX	xã Hiền Lương	H. Hạ Hòa	21° 36' 29"	104° 54' 32"					F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 33' 27"	105° 03' 25"					F-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 3	DC	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 34' 06"	105° 03' 40"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 33' 32"	105° 04' 13"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 32' 54"	105° 04' 13"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 33' 01"	105° 04' 38"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 33' 29"	105° 04' 32"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 33' 25"	105° 04' 54"					F-48-55-C-c
khu 9	DC	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 33' 42"	105° 04' 50"					F-48-55-C-c
khu 11	DC	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 34' 19"	105° 04' 45"					F-48-55-C-c
khu 12	DC	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 34' 37"	105° 04' 28"					F-48-55-C-c
đường tỉnh 314	KX	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa			21° 34' 38"	105° 04' 16"	21° 32' 41"	105° 04' 46"	F-48-55-C-c
Công ty Chè Phú Bền	KX	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 31' 15"	104° 53' 45"					F-48-55-C-c
cầu Hương Xạ	KX	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 34' 35"	105° 04' 30"					F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Lâm Lợi	H. Hạ Hòa	21° 36' 18"	104° 56' 56"					F-48-54-D-d
khu 2	DC	xã Lâm Lợi	H. Hạ Hòa	21° 36' 11"	104° 57' 24"					F-48-54-D-d
khu 4	DC	xã Lâm Lợi	H. Hạ Hòa	21° 35' 26"	104° 57' 31"					F-48-54-D-d
khu 7	DC	xã Lâm Lợi	H. Hạ Hòa	21° 35' 48"	104° 57' 06"					F-48-54-D-d
khu 8	DC	xã Lâm Lợi	H. Hạ Hòa	21° 35' 39"	104° 56' 59"					F-48-54-D-d
khu 9	DC	xã Lâm Lợi	H. Hạ Hòa	21° 35' 26"	104° 56' 50"					F-48-54-D-d
khu 10	DC	xã Lâm Lợi	H. Hạ Hòa	21° 35' 07"	104° 56' 50"					F-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đầm Móng Hội	TV	xã Lâm Lợi	H. Hạ Hòa	21° 34' 52"	104° 57' 07"					F-48-54-D-d
đầm Trì	TV	xã Lâm Lợi	H. Hạ Hòa	21° 35' 58"	104° 56' 04"					F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 32' 20"	105° 01' 46"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 32' 37"	105° 01' 55"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 32' 43"	105° 02' 13"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 33' 20"	105° 02' 26"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 31' 59"	105° 02' 17"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 31' 49"	105° 01' 58"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 31' 59"	105° 01' 48"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 31' 50"	105° 01' 42"					F-48-55-C-c
khu 9	DC	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 31' 36"	105° 01' 40"					F-48-55-C-c
khu 10	DC	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 31' 24"	105° 02' 12"					F-48-55-C-c
đầm Trắng	TV	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 32' 41	105° 01' 57"					F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Lệnh Khanh	H. Hạ Hòa	21° 37' 56"	104° 58' 23"					F-48-54-D-b
khu 2	DC	xã Lệnh Khanh	H. Hạ Hòa	21° 37' 48"	104° 57' 39"					F-48-54-D-b
khu 3	DC	xã Lệnh Khanh	H. Hạ Hòa	21° 37' 18"	104° 57' 41"					F-48-54-D-b
khu 4	DC	xã Lệnh Khanh	H. Hạ Hòa	21° 36' 55"	104° 57' 27"					F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Lệnh Khanh	H. Hạ Hòa	21° 37' 01"	104° 57' 40"					F-48-54-D-d
khu 6	DC	xã Lệnh Khanh	H. Hạ Hòa	21° 36' 54"	104° 57' 46"					F-48-54-D-d
khu 7	DC	xã Lệnh Khanh	H. Hạ Hòa	21° 36' 37"	104° 57' 53"					F-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 8	DC	xã Lệnh Khanh	H. Hạ Hòa	21° 36' 41"	104° 58' 10"					F-48-54-D-d
đồng Trò	TV	xã Lệnh Khanh	H. Hạ Hòa	21° 36' 46"	104° 58'15"					F-48-54-D-d
chùa Lệnh Khanh	KX	xã Lệnh Khanh	H. Hạ Hòa	21° 36' 43"	104° 57' 34"					F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Liên Phương	H. Hạ Hòa	21° 37' 52"	104° 54' 43"					F-48-54-D-d
khu 2	DC	xã Liên Phương	H. Hạ Hòa	21° 37' 42"	104° 54' 54"					F-48-54-D-d
khu 3	DC	xã Liên Phương	H. Hạ Hòa	21° 37' 36"	104° 55' 04"					F-48-54-D-d
khu 4	DC	xã Liên Phương	H. Hạ Hòa	21° 37' 27"	104° 55' 14"					F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Liên Phương	H. Hạ Hòa	21° 37' 15"	104° 54' 27"					F-48-54-D-d
khu 6	DC	xã Liên Phương	H. Hạ Hòa	21° 37' 27"	104° 54' 25"					F-48-54-D-d
đò Đức Quân	KX	xã Liên Phương	H. Hạ Hòa	21° 37' 59"	104° 54' 21"					F-48-54-D-b
khu 1	DC	xã Mai Tùng	H. Hạ Hòa	21° 30' 51"	105° 02' 31"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Mai Tùng	H. Hạ Hòa	21° 30' 54"	105° 02' 19"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Mai Tùng	H. Hạ Hòa	21° 30' 43"	105° 02' 38"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Mai Tùng	H. Hạ Hòa	21° 30' 34"	105° 02' 40"					F-48-55-C-c
đường tỉnh 320	KX	xã Mai Tùng	H. Hạ Hòa			21° 30' 48"	105° 02' 05"	21° 30' 10"	105° 03' 11"	F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Minh Côi	H. Hạ Hòa	21° 31' 01"	105° 01' 14"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Minh Côi	H. Hạ Hòa	21° 30' 49"	105° 00' 31"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Minh Côi	H. Hạ Hòa	21° 30' 18"	105° 01' 28"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Minh Côi	H. Hạ Hòa	21° 30' 31"	105° 01' 49"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Minh Côi	H. Hạ Hòa	21° 29' 55"	105° 02' 04"					F-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Đồng Đào	TV	xã Minh Côi	H. Hạ Hòa	21° 29' 49"	105° 01' 32"					F-48-67-A-a
hồ Giáp Ất	TV	xã Minh Côi	H. Hạ Hòa	21° 30' 56	105° 01' 12"					F-48-55-C-c
cầu Ngòi Giành	KX	xã Minh Côi	H. Hạ Hòa	21° 29' 56"	105° 02' 30"					F-48-67-A-a
khu 1	DC	xã Minh Hạc	H. Hạ Hòa	21° 32' 59"	105° 00' 41"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Minh Hạc	H. Hạ Hòa	21° 32' 41"	105° 01' 06"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Minh Hạc	H. Hạ Hòa	21° 33' 23"	105° 01' 03"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Minh Hạc	H. Hạ Hòa	21° 33' 01"	105° 01' 23"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Minh Hạc	H. Hạ Hòa	21° 32' 33"	105° 01' 23"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Minh Hạc	H. Hạ Hòa	21° 33' 31"	105° 01' 50"					F-48-55-C-c
đường tỉnh 320	KX	xã Minh Hạc	H. Hạ Hòa			21° 32' 58"	105° 00' 38"	21° 32' 21"	105° 01' 31"	F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa	21° 37' 38"	104° 59' 21"					F-48-54-D-b
khu 2	DC	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa	21° 36' 58"	104° 59' 04"					F-48-54-D-d
khu 3	DC	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa	21° 36' 30"	104° 59' 20"					F-48-54-D-d
khu 4	DC	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa	21° 36' 47"	104° 59' 41"					F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa	21° 36' 17"	104° 59' 44"					F-48-54-D-d
khu 6	DC	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa	21° 36' 14"	104° 59' 12"					F-48-54-D-d
khu 7	DC	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa	21° 36' 19"	104° 58' 13"					F-48-54-D-d
khu 9	DC	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa	21° 36' 08"	104° 58' 01"					F-48-54-D-d
khu 10	DC	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa	21° 35' 41"	104° 58' 12"					F-48-54-D-d
đầm Lớn	TV	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa	21° 36' 05"	104° 58' 36"					F-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 320	KX	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa			21° 36' 12"	104° 57' 46"	21° 35' 17"	104° 58' 16"	F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Phương Viên	H. Hạ Hòa	21° 36' 01"	105° 04' 17"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Phương Viên	H. Hạ Hòa	21° 35' 38"	105° 04' 14"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Phương Viên	H. Hạ Hòa	21° 35' 03"	105° 05' 08"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Phương Viên	H. Hạ Hòa	21° 36' 06"	105° 04' 44"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Phương Viên	H. Hạ Hòa	21° 35' 53"	105° 05' 30"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Phương Viên	H. Hạ Hòa	21° 35' 23"	105° 05' 41"					F-48-55-C-c
khu 9	DC	xã Phương Viên	H. Hạ Hòa	21° 35' 25"	105° 05' 08"					F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa	21° 35' 51"	104° 54' 41"					F-48-54-D-d
khu 2	DC	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa	21° 35' 23"	104° 54' 51"					F-48-54-D-d
khu 3	DC	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa	21° 35' 04"	104° 55' 32"					F-48-54-D-d
khu 4	DC	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa	21° 33' 12"	104° 53' 53"					F-48-54-D-d
núi Kìm	SV	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa	21° 33' 19"	104° 52' 52"					F-48-55-C-b
núi Trưa	SV	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa	21° 34' 05"	104° 54' 08"					F-48-55-C-b
đầm Nang	TV	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa	21° 35' 33	104° 55' 29"					F-48-54-D-d
suối Ngòi Hạ	TV	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa			21° 32' 41	104° 53' 11"	21° 34' 03"	104° 53' 45"	F-48-54-D-d
đầm Ngòi Lón	TV	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa	21° 35' 2	104° 54' 56"					F-48-54-D-d
đầm Thanh Ba	TV	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa	21° 35' 37	104° 54' 25"					F-48-54-D-d
cầu Triền	KX	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa	21° 33' 14"	104° 53' 56"					F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 32' 22"	105° 00' 23"					F-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 2	DC	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 32' 30"	105° 00' 45"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 32' 05"	105° 01' 19"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 31' 31"	105° 00' 57"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 31' 45"	105° 00' 45"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 32' 04"	105° 00' 37"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 32' 05"	105° 00' 12"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 31' 45"	105° 00' 26"					F-48-55-C-c
khu 9	DC	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 31' 17"	104° 59' 47"					F-48-54-D-d
khu 10	DC	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 30' 04"	105° 00' 12"					F-48-55-C-c
núi Đá Nẻ	SV	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 31' 02"	104° 58' 57"					F-48-55-C-b
hồ Cửa Hoảng	TV	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 32' 05"	105° 00' 28"					F-48-55-C-c
ngòi Quê	TV	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa			21° 31' 54"	105° 00' 50"	21° 31' 35"	105° 01' 23"	F-48-55-C-c
quốc lộ 32C	KX	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa			21° 32' 38"	105° 00' 33"	21° 31' 34"	105° 01' 18"	F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Vĩnh Chân	H. Hạ Hòa	21° 30' 17"	105° 03' 06"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Vĩnh Chân	H. Hạ Hòa	21° 30' 40"	105° 03' 17"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Vĩnh Chân	H. Hạ Hòa	21° 30' 40"	105° 03' 28"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Vĩnh Chân	H. Hạ Hòa	21° 30' 16"	105° 03' 28"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Vĩnh Chân	H. Hạ Hòa	21° 30' 09"	105° 03' 35"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Vĩnh Chân	H. Hạ Hòa	21° 30' 05"	105° 03' 30"					F-48-67-A-a
khu 9	DC	xã Vĩnh Chân	H. Hạ Hòa	21° 29' 58"	105° 03' 41"					F-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 10	DC	xã Vĩnh Chân	H. Hạ Hòa	21° 29' 56"	105° 03' 55"					F-48-67-A-a
khu 11	DC	xã Vĩnh Chân	H. Hạ Hòa	21° 30' 42"	105° 04' 08"					F-48-55-C-c
khu 12	DC	xã Vĩnh Chân	H. Hạ Hòa	21° 31' 10"	105° 04' 04"					F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 30' 12"	104° 57' 12"					F-48-54-D-d
khu 2	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 30' 32"	104° 57' 27"					F-48-54-D-d
khu 3	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 31' 10"	104° 57' 58"					F-48-54-D-d
khu 4	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 31' 27"	104° 58' 00"					F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 31' 43"	104° 58' 34"					F-48-54-D-d
khu 6	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 32' 26"	104° 57' 58"					F-48-54-D-d
khu 7	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 31' 41"	104° 57' 41"					F-48-54-D-d
khu 8	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 31' 15"	104° 57' 36"					F-48-54-D-d
khu 9	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 30' 44"	104° 57' 34"					F-48-54-D-d
khu 10	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 30' 27"	104° 57' 00"					F-48-54-D-d
khu 11	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 30' 10"	104° 56' 43"					F-48-54-D-d
khu 12	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 31' 58"	104° 56' 47"					F-48-54-D-d
núi Chinh	SV	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 31' 12"	104° 55' 53"					F-48-55-C-b
núi Gò Rẹ	SV	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 30' 43"	104° 56' 41"					F-48-55-C-b
núi Khe Dầu	SV	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 30' 07"	104° 58' 59"					F-48-55-C-b
núi Thiều	SV	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 29' 20"	104° 57' 40"					F-48-66-B-b
ngòi Lao	TV	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa			21° 30' 33	104° 55' 54"	21° 32' 08"	104° 59' 04"	F-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty Lâm nghiệp Sông Thao	KX	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 31' 54"	104° 57' 55"					F-48-54-D-d
trại giam Số 1 Tân Lập	KX	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 30' 01"	104° 56' 08"					F-48-54-D-d
trại giam Số 2 Tân Lập	KX	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 31' 00"	104° 57' 15"					F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Vụ Cầu	H. Hạ Hòa	21° 29' 41"	105° 03' 50"					F-48-67-A-a
khu 2	DC	xã Vụ Cầu	H. Hạ Hòa	21° 29' 38"	105° 03' 56"					F-48-67-A-a
khu 3	DC	xã Vụ Cầu	H. Hạ Hòa	21° 29' 29"	105° 04' 09"					F-48-67-A-a
khu 4	DC	xã Vụ Cầu	H. Hạ Hòa	21° 29' 25"	105° 04' 22"					F-48-67-A-a
khu 5	DC	xã Vụ Cầu	H. Hạ Hòa	21° 29' 22"	105° 04' 29"					F-48-67-A-a
khu 6	DC	xã Vụ Cầu	H. Hạ Hòa	21° 29' 20"	105° 04' 37"					F-48-67-A-a
khu 1	DC	xã Xuân Áng	H. Hạ Hòa	21° 34' 23"	104° 57' 59"					F-48-54-D-d
khu 3	DC	xã Xuân Áng	H. Hạ Hòa	21° 34' 26"	104° 56' 51"					F-48-54-D-d
khu 4	DC	xã Xuân Áng	H. Hạ Hòa	21° 34' 27"	104° 56' 13"					F-48-54-D-d
khu 7	DC	xã Xuân Áng	H. Hạ Hòa	21° 33' 05"	104° 57' 03"					F-48-54-D-d
khu 10	DC	xã Xuân Áng	H. Hạ Hòa	21° 33' 44"	104° 56' 23"					F-48-54-D-d
khu 11	DC	xã Xuân Áng	H. Hạ Hòa	21° 32' 30"	104° 55' 26"					F-48-54-D-d
núi Giác	SV	xã Xuân Áng	H. Hạ Hòa	21° 33' 58"	104° 55' 33"					F-48-55-C-b
núi Ván	SV	xã Xuân Áng	H. Hạ Hòa	21° 32' 43"	104° 56' 07"					F-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đầm Phai Láng	TV	xã Xuân Áng	H. Hạ Hòa	21° 34' 10"	104° 56' 12"					F-48-54-D-d
đập Hàm Kỳ	KX	xã Xuân Áng	H. Hạ Hòa	21° 33' 42"	104° 55' 59"					F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Y Sơn	H. Hạ Hòa	21° 35' 41"	104° 58' 40"					F-48-54-D-d
khu 2	DC	xã Y Sơn	H. Hạ Hòa	21° 35' 27"	104° 58' 46"					F-48-54-D-d
khu 3	DC	xã Y Sơn	H. Hạ Hòa	21° 35' 13"	104° 58' 51"					F-48-54-D-d
khu 4	DC	xã Y Sơn	H. Hạ Hòa	21° 35' 08"	104° 59' 19"					F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Y Sơn	H. Hạ Hòa	21° 34' 56"	104° 59' 44"					F-48-54-D-d
khu 6	DC	xã Y Sơn	H. Hạ Hòa	21° 35' 42"	104° 59' 36"					F-48-54-D-d
đầm Y Sơn	TV	xã Y Sơn	H. Hạ Hòa	21° 35' 11"	104° 58' 45"					F-48-54-D-d
đường tỉnh 320	KX	xã Y Sơn	H. Hạ Hòa			21° 35' 16"	104° 58' 16"	21° 34' 43"	104° 59' 27"	F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 33' 29"	105° 07' 34"					F-48-55-C-d
khu 2	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 33' 46"	105° 06' 45"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 33' 29"	105° 06' 57"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 33' 09"	105° 06' 36"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 32' 50"	105° 06' 01"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 33' 01"	105° 05' 44"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 32' 29"	105° 05' 28"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 32' 03"	105° 05' 30"					F-48-55-C-c
khu 9	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 31' 48"	105° 05' 13"					F-48-55-C-c
khu 10	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 32' 34"	105° 05' 28"					F-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 12	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 32' 20"	105° 05' 07"					F-48-55-C-c
khu 13	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 34' 36"	105° 07' 41"					F-48-55-C-d
núi An Đô	SV	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 34' 14"	105° 08' 13"					F-48-55-C-d
núi Bằng Đền	SV	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 34' 47"	105° 08' 23"					F-48-55-C-d
cầu Yên Kỳ	KX	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 32' 09"	105° 05' 16"					F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 31' 05"	105° 02' 45"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 31' 22"	105° 02' 38"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 31' 35"	105° 02' 35"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 31' 48"	105° 02' 28"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 31' 41"	105° 02' 54"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 32' 27"	105° 03' 07"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 31' 30"	105° 02' 53"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 31' 38"	105° 03' 14"					F-48-55-C-c
khu 9	DC	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 31' 18"	105° 03' 25"					F-48-55-C-c
khu 10	DC	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 31' 06"	105° 03' 34"					F-48-55-C-c
đầm Đông Dương	TV	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 30' 49	105° 03' 47"					F-48-55-C-c
khu 1	DC	TT. Hùng Sơn	H. Lâm Thao	21° 20' 48"	105° 17' 35"					F-48-67-B-c
thôn Hậu Lộc	DC	TT. Hùng Sơn	H. Lâm Thao	21° 21' 09"	105° 17' 59"					F-48-67-B-c
xóm Miếu	DC	TT. Hùng Sơn	H. Lâm Thao	21° 21' 51"	105° 17' 30"					F-48-67-B-c
xóm Ngựu	DC	TT. Hùng Sơn	H. Lâm Thao	21° 21' 49"	105° 17' 12"					F-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Phường	DC	TT. Hùng Sơn	H. Lâm Thao	21° 21' 53"	105° 18' 02"					F-48-67-B-c
xóm Tràng	DC	TT. Hùng Sơn	H. Lâm Thao	21° 22' 00"	105° 17' 43"					F-48-67-B-c
làng Trẹo	DC	TT. Hùng Sơn	H. Lâm Thao	21° 21' 30"	105° 17' 58"					F-48-67-B-c
làng Vi	DC	TT. Hùng Sơn	H. Lâm Thao	21° 21' 17"	105° 17' 39"					F-48-67-B-c
cầu Bưởi	KX	TT. Hùng Sơn	H. Lâm Thao	21° 21' 08"	105° 17' 28"					F-48-67-B-c
ga Tiên Kiên	KX	TT. Hùng Sơn	H. Lâm Thao	21° 22' 02"	105° 17' 27"					F-48-67-B-c
xóm Chùa	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 19' 29"	105° 17' 06"					F-48-67-B-c
xóm Lâm Lý	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 20' 05"	105° 16' 48"					F-48-67-B-c
khu Lâm Nghĩa	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 19' 26"	105° 17' 32"					F-48-67-B-c
xóm Phương Lai 6	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 19' 48"	105° 17' 14"					F-48-67-B-c
xóm Phương Lai 7	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 19' 34"	105° 17' 12"					F-48-67-B-c
khu Sơn Thị	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 19' 35"	105° 16' 48"					F-48-67-B-c
khu Tân Tiến	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 19' 45"	105° 17' 01"					F-48-67-B-c
khu Tân Trung	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 19' 46"	105° 16' 47"					F-48-67-B-c
khu Thắng Lợi	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 19' 36"	105° 17' 44"					F-48-67-B-c
khu Thùy Nhật	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 19' 27"	105° 17' 04"					F-48-67-B-c
khu Tiến Mới	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 19' 48"	105° 17' 07"					F-48-67-B-c
sông Hồng	TV	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao			21° 20' 10"	105° 16' 10"	21° 19' 12"	105° 16' 14"	F-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	KX	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 20' 03"	105° 17' 01"					F-48-67-B-c
cầu Trắng	KX	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 18' 58"	105° 16' 57"					F-48-67-B-c
thôn Cống Á	DC	xã Bản Nguyên	H. Lâm Thao	21° 16' 13"	105° 17' 45"					F-48-67-B-c
thôn Quỳnh Lâm	DC	xã Bản Nguyên	H. Lâm Thao	21° 15' 13"	105° 19' 35"					F-48-67-B-c
thôn Thành Chu	DC	xã Bản Nguyên	H. Lâm Thao	21° 15' 40"	105° 18' 22"					F-48-67-B-c
sông Hồng	TV	xã Bản Nguyên	H. Lâm Thao			21° 16' 00"	105° 17' 18"	21° 14' 54"	105° 19' 56"	F-48-67-B-c, F-48-67-D-a
thôn Cao Lĩnh	DC	xã Cao Xá	H. Lâm Thao	21° 18' 32"	105° 19' 36"					F-48-67-B-c
thôn Cao Xá	DC	xã Cao Xá	H. Lâm Thao	21° 18' 03"	105° 20' 06"					F-48-67-B-c
thôn Dục Mỹ	DC	xã Cao Xá	H. Lâm Thao	21° 18' 08"	105° 19' 31"					F-48-67-B-c
xóm Dương Khê	DC	xã Cao Xá	H. Lâm Thao	21° 18' 15"	105° 20' 57"					F-48-67-B-c
xóm Nam Nhạc	DC	xã Cao Xá	H. Lâm Thao	21° 17' 59"	105° 20' 53"					F-48-67-B-c
xóm Phong Vân	DC	xã Cao Xá	H. Lâm Thao	21° 17' 43"	105° 20' 51"					F-48-67-B-c
xóm Thanh Hà	DC	xã Cao Xá	H. Lâm Thao	21° 18' 28"	105° 21' 02"					F-48-67-B-c
thôn Vĩnh Mộ	DC	xã Cao Xá	H. Lâm Thao	21° 18' 10"	105° 20' 43"					F-48-67-B-c
thôn Bồng Lạng	DC	xã Hợp Hải	H. Lâm Thao	21° 17' 29"	105° 15' 52"					F-48-67-B-c
thôn Lạng Thị	DC	xã Hợp Hải	H. Lâm Thao	21° 17' 51"	105° 16' 14"					F-48-67-B-c
thôn Trung Thanh	DC	xã Hợp Hải	H. Lâm Thao	21° 18' 04"	105° 16' 24"					F-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vu Tử	DC	xã Hợp Hải	H. Lâm Thao	21° 18' 40"	105° 16' 40"					F-48-67-B-c
cầu Phong Châu	KX	xã Hợp Hải	H. Lâm Thao	21° 17' 03"	105° 15' 24"					F-48-67-B-c
thôn Hữu Bổ	DC	xã Kinh Kệ	H. Lâm Thao	21° 16' 51"	105° 16' 08"					F-48-67-B-c
thôn Kinh Kệ	DC	xã Kinh Kệ	H. Lâm Thao	21° 16' 20"	105° 17' 06"					F-48-67-B-c
thôn Phùng Nguyên	DC	xã Kinh Kệ	H. Lâm Thao	21° 17' 38"	105° 16' 39"					F-48-67-B-c
sông Hồng	TV	xã Kinh Kệ	H. Lâm Thao			21° 17' 07"	105° 15' 28"	21° 16' 00"	105° 17' 18"	F-48-67-B-c
thôn Chung Chính	DC	xã Sơn Dương	H. Lâm Thao	21° 17' 31"	105° 17' 23"					F-48-67-B-c
thôn Đại Đình	DC	xã Sơn Dương	H. Lâm Thao	21° 17' 12"	105° 17' 26"					F-48-67-B-c
thôn Dụng Hiền	DC	xã Sơn Dương	H. Lâm Thao	21° 17' 44"	105° 17' 42"					F-48-67-B-c
thôn Do Nghĩa	DC	xã Sơn Vi	H. Lâm Thao	21° 19' 10"	105° 17' 53"					F-48-67-B-c
xóm Làng Nội	DC	xã Sơn Vi	H. Lâm Thao	21° 19' 03"	105° 17' 30"					F-48-67-B-c
thôn Phú Cường	DC	xã Sơn Vi	H. Lâm Thao	21° 18' 51"	105° 18' 13"					F-48-67-B-c
thôn Vạn Thắng	DC	xã Sơn Vi	H. Lâm Thao	21° 18' 34"	105° 18' 35"					F-48-67-B-c
khu Hồng Sơn	DC	xã Thạch Sơn	H. Lâm Thao	21° 20' 27"	105° 16' 33"					F-48-67-B-c
xóm Miếu	DC	xã Thạch Sơn	H. Lâm Thao	21° 20' 56"	105° 16' 54"					F-48-67-B-c
khu Môm Dền	DC	xã Thạch Sơn	H. Lâm Thao	21° 20' 21"	105° 16' 52"					F-48-67-B-c
khu Nhà Lối	DC	xã Thạch Sơn	H. Lâm Thao	21° 20' 53"	105° 17' 16"					F-48-67-B-c
ga Lâm Thao	KX	xã Thạch Sơn	H. Lâm Thao	21° 20' 26"	105° 17' 26"					F-48-67-B-c
xóm Bướm	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 23' 42"	105° 17' 53"					F-48-67-B-a
xóm Cầu Nhân	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 23' 01"	105° 18' 11"					F-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đoàn Kết	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 22' 46"	105° 17' 23"					F-48-67-B-a
xóm Đuổng	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 22' 14"	105° 17' 29"					F-48-67-B-c
xóm Lum	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 22' 21"	105° 18' 04"					F-48-67-B-c
xóm Ma Gồ	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 22' 31"	105° 17' 53"					F-48-67-B-a
xóm Mở	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 23' 24"	105° 16' 57"					F-48-67-B-a
xóm Mon	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 23' 00"	105° 17' 49"					F-48-67-B-a
xóm Mua	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 22' 46"	105° 17' 43"					F-48-67-B-a
xóm Toán	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 23' 58"	105° 17' 39"					F-48-67-B-a
xóm Trầu	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 24' 04"	105° 17' 05"					F-48-67-B-a
Trường Cao đẳng Hóa chất	KX	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 23' 22"	105° 17' 49"					F-48-67-B-a
thôn Đoàn Kết	DC	xã Tứ xã	H. Lâm Thao	21° 16' 36"	105° 17' 56"					F-48-67-B-c
thôn Quyết Tiến	DC	xã Tứ xã	H. Lâm Thao	21° 16' 58"	105° 17' 52"					F-48-67-B-c
thôn Thắng Lợi	DC	xã Tứ xã	H. Lâm Thao	21° 17' 41"	105° 18' 23"					F-48-67-B-c
đền Xa Lộc	KX	xã Tứ xã	H. Lâm Thao	21° 17' 59"	105° 18' 52"					F-48-67-B-c
thôn Phú Cường	DC	xã Vĩnh Lại	H. Lâm Thao	21° 15' 20"	105° 19' 46"					F-48-67-B-c
thôn Tân Tiến	DC	xã Vĩnh Lại	H. Lâm Thao	21° 15' 16"	105° 20' 18"					F-48-67-B-c
thôn Trịnh Xá	DC	xã Vĩnh Lại	H. Lâm Thao	21° 16' 58"	105° 20' 37"					F-48-67-B-c
thôn Vĩnh Tường	DC	xã Vĩnh Lại	H. Lâm Thao	21° 15' 51"	105° 20' 32"					F-48-67-B-c
thôn An Thọ	DC	xã Xuân Huy	H. Lâm Thao	21° 22' 06"	105° 15' 56"					F-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hồng Sơn	DC	xã Xuân Huy	H. Lâm Thao	21° 21' 59"	105° 15' 41"					F-48-67-B-c
thôn Hưng Đạo	DC	xã Xuân Huy	H. Lâm Thao	21° 22' 37"	105° 15' 30"					F-48-67-B-a
thôn Phú Thịnh	DC	xã Xuân Huy	H. Lâm Thao	21° 21' 43"	105° 15' 50"					F-48-67-B-c
thôn Sơn Tường	DC	xã Xuân Huy	H. Lâm Thao	21° 21' 14"	105° 16' 15"					F-48-67-B-c
thôn Trung Thịnh	DC	xã Xuân Huy	H. Lâm Thao	21° 22' 54"	105° 15' 13"					F-48-67-B-a
thôn Hồng Đoàn	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 21' 58"	105° 16' 22"					F-48-67-B-c
thôn Hùng Tiến	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 22' 15"	105° 16' 46"					F-48-67-B-c
xóm Lũng Đạo	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 21' 41"	105° 16' 46"					F-48-67-B-c
xóm Lũng Sở	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 22' 03"	105° 16' 48"					F-48-67-B-c
xóm Nghĩa Hưng	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 21' 34"	105° 16' 28"					F-48-67-B-c
xóm Phú Bình	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 21' 56"	105° 16' 10"					F-48-67-B-c
xóm Phú Thượng	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 22' 22"	105° 16' 15"					F-48-67-B-c
xóm Phú Xuân	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 22' 12"	105° 16' 21"					F-48-67-B-c
thôn Vạn Thắng	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 22' 41"	105° 16' 10"					F-48-67-B-a
thôn Vạn Xuân	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 21' 46"	105° 16' 23"					F-48-67-B-c
thôn Vĩnh Long	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 23' 13"	105° 16' 07"					F-48-67-B-a
thôn Vĩnh Thịnh	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 22' 46"	105° 16' 45"					F-48-67-B-a
xóm Diễn	DC	TT. Phong Châu	H. Phù Ninh	21° 24' 11"	105° 18' 12"					F-48-67-B-a
xóm Hò He	DC	TT. Phong Châu	H. Phù Ninh	21° 24' 24"	105° 17' 37"					F-48-67-B-a
làng Lỗ Trì	DC	TT. Phong Châu	H. Phù Ninh	21° 24' 44"	105° 19' 30"					F-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Móc	DC	TT. Phong Châu	H. Phù Ninh	21° 24' 38"	105° 17' 51"					F-48-67-B-a
làng Phù Lỗ	DC	TT. Phong Châu	H. Phù Ninh	21° 24' 20"	105° 17' 59"					F-48-67-B-a
xóm Trại Cầu	DC	TT. Phong Châu	H. Phù Ninh	21° 24' 45"	105° 18' 37"					F-48-67-B-a
xóm Xuân Hưng	DC	TT. Phong Châu	H. Phù Ninh	21° 24' 22"	105° 19' 14"					F-48-67-B-a
khách sạn Bãi Bằng	KX	TT. Phong Châu	H. Phù Ninh	21° 24' 13"	105° 19' 02"					F-48-67-B-a
Trường Cao đẳng nghề công nghệ Giấy và Cơ điện	KX	TT. Phong Châu	H. Phù Ninh	21° 24' 36"	105° 19' 01"					F-48-67-B-a
Tổng công ty Giấy Việt Nam	KX	TT. Phong Châu	H. Phù Ninh	21° 25' 07"	105° 18' 44"					F-48-67-B-a
khu 1	DC	xã An Đạo	H. Phù Ninh	21° 24' 03"	105° 22' 06"					F-48-67-B-a
khu 2	DC	xã An Đạo	H. Phù Ninh	21° 24' 19"	105° 21' 59"					F-48-67-B-a
khu 4	DC	xã An Đạo	H. Phù Ninh	21° 24' 23"	105° 21' 30"					F-48-67-B-a
khu 6	DC	xã An Đạo	H. Phù Ninh	21° 25' 01"	105° 21' 39"					F-48-67-B-a
khu 7	DC	xã An Đạo	H. Phù Ninh	21° 24' 53"	105° 20' 35"					F-48-67-B-a
khu 9	DC	xã An Đạo	H. Phù Ninh	21° 25' 27"	105° 22' 19"					F-48-67-B-a
khu 10	DC	xã An Đạo	H. Phù Ninh	21° 25' 14"	105° 21' 29"					F-48-67-B-a
sông Lô	TV	xã An Đạo	H. Phù Ninh			21° 25' 11"	105° 20' 40"	21° 25' 57"	105° 22' 10"	F-48-67-B-a
đường tỉnh 323C	KX	xã An Đạo	H. Phù Ninh			21° 24' 45"	105° 22' 05"	21° 24' 26"	105° 20' 58"	F-48-67-B-a
cảng An Đạo	KX	xã An Đạo	H. Phù Ninh	21° 25' 03"	105° 20' 45"					F-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cống Mên	KX	xã An Đạo	H. Phù Ninh	105° 20' 32"	21° 25' 02"					F-48-67-B-a
xóm Bùng	DC	xã Bảo Thanh	H. Phù Ninh	21° 28' 10"	105° 17' 16"					F-48-67-B-a
xóm Cầu Dê	DC	xã Bảo Thanh	H. Phù Ninh	21° 28' 30"	105° 17' 46"					F-48-67-B-a
xóm Chiễm	DC	xã Bảo Thanh	H. Phù Ninh	21° 27' 57"	105° 17' 36"					F-48-67-B-a
xóm Đồng Cò	DC	xã Bảo Thanh	H. Phù Ninh	21° 28' 15"	105° 16' 41"					F-48-67-B-a
xóm Hốp Nác	DC	xã Bảo Thanh	H. Phù Ninh	21° 27' 45"	105° 17' 05"					F-48-67-B-a

(Xem tiếp Công báo số 501 + 502)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng